

**Dự án “Nâng cao chất lượng giáo dục  
cho trẻ em thiệt thòi tại Việt Nam”**

---

**TÀI LIỆU  
TẬP HUẤN BỒI DƯỠNG, HỖ TRỢ GIÁO VIÊN, CỘNG ĐỒNG  
TĂNG CƯỜNG, THÚC ĐẨY KỸ NĂNG ĐỌC, VIẾT  
CHO HỌC SINH TIỂU HỌC CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI**

**Mô-đun 1**

**Nâng cao năng lực tổ chức các hoạt động dạy học nhằm tăng cường kỹ năng  
đọc, viết cho học sinh tiểu học có đáp ứng giới – Mã số MD1**

---

**Tác giả:** Trịnh Thị Hoài Thu, Nguyễn Quang Nhữ, Xuân Thị Nguyệt Hà, Trần Thị Hiền Lương, Nguyễn Thị Thanh Loan

**Rà soát và chỉnh lý:** Đinh Văn Phương, Xuân Thị Nguyệt Hà, Trần Thị Hiền Lương, Đặng Thị Kim Nga, Nguyễn Thị Ái Liên, Phạm Thị Thanh Mai.

**Hà Nội, tháng 8 năm 2024**

## MỤC LỤC

| TT | Nội dung | Trang |
|----|----------|-------|
| 1  | Chủ đề 1 |       |
| 2  | Chủ đề 2 |       |
| 3  | Chủ đề 3 |       |
| 4  | Chủ đề 4 |       |
| 5  | Chủ đề 5 |       |

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

| Chữ viết tắt | Viết đầy đủ      |
|--------------|------------------|
| GV           | Giáo viên        |
| HS           | Học sinh         |
| SGK          | Sách giáo khoa   |
| KHBD         | Kế hoạch bài dạy |
| VD           | Ví dụ            |

# I. MỤC TIÊU

## 1. Mục tiêu chung

Bồi dưỡng, hỗ trợ GV nắm được một số hoạt động tăng cường kỹ năng đọc, viết để từ đó vận dụng một cách linh hoạt trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục cho HS tiểu học.

## 2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi được tập huấn bồi dưỡng, học viên:

**2.1. Hiểu và trình bày được** mục đích, cách thức tổ chức các hoạt động dạy học tăng cường kỹ năng đọc viết có đáp ứng giới thuộc các chủ đề:

+ Chủ đề 1 - Ngôn ngữ, bao gồm: *Hoạt động theo cặp đôi học sinh dựa trên nhu cầu, tính phù hợp về sở thích, tính cách để giúp trẻ đọc trôi chảy và hiểu bài; Thẻ chữ cái có hình minh họa; Dùng bảng B-M-H (K-W-L) để xây dựng kiến thức cơ bản; Sử dụng phương pháp Phản xạ toàn thân (TPR); Đặt câu với mẫu câu cho sẵn; Tìm từ đồng âm gần nghĩa giữa các ngôn ngữ.*

+ Chủ đề 2 - Nghe và nói, bao gồm: *Đọc thành tiếng; Hộp sáng tác truyện; Tóm tắt một câu chuyện/một buổi đọc truyện; Thay đổi bài hát; Tìm âm ghép cặp; Tôi thấy; Bắt bóng – Nói từ.*

+ Chủ đề 3 - Nền tảng của đọc, viết, bao gồm: *Suy nghĩ – Trao đổi nhóm đôi – Chia sẻ; Chơi với âm đầu của từ; Ghép chữ cái; Chiếu bát từ vựng; Tạo ra từ; Hướng dẫn đọc thành tiếng.*

+ Chủ đề 4 - Đọc và viết – văn bản văn học, bao gồm: *Sử dụng sơ đồ kể chuyện để hiểu hoặc viết đoạn văn, bài văn; Thi tìm từ đồng nghĩa; Dự đoán; Đặt câu hỏi trước, trong và sau khi đọc sách; Sử dụng sơ đồ kể chuyện để viết câu hỏi; Suy luận; Đồng ý hay Phản đối ?*

+ Chủ đề 5 - Đọc và viết – văn bản thông tin, bao gồm: *Nói ra suy nghĩ của mình; Vẽ sơ đồ từ vựng; Hiểu về mối quan hệ nguyên nhân – kết quả; So sánh; Miêu tả chân dung tự họa; Viết công thức.*

**2.2. Vận dụng được** các hoạt động tăng cường kỹ năng đọc viết vào việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn học/hoạt động giáo dục và tổ chức thực hiện các kế hoạch đó nhằm tăng cường kỹ năng đọc viết cho HS, giúp HS hứng thú học tập, phát triển các phẩm chất và năng lực theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông

2018 có đáp ứng giới. Cụ thể là:

- Tăng cường cơ hội tham gia của mọi học sinh, không phân biệt trên cơ sở giới tính, thành phần dân tộc, tình trạng khuyết tật, xem xét khắc phục các bất lợi từ môi trường cản trở sự tham gia của học sinh... (ví dụ: sắp xếp chỗ ngồi, chỗ đứng hợp lý để mọi học sinh đều được tham gia các hoạt động, chú ý vị trí của học sinh khuyết tật vận động để các em tham gia đầy đủ hoạt động và theo dõi được giáo viên cũng như các bạn khác; với học sinh khuyết tật nhìn thì phải giải thích rõ ràng bằng lời, với học sinh khuyết tật nghe thì phải đưa hình ảnh minh họa;...)
- Gợi ý cho học sinh thay đổi những hình ảnh khuôn mẫu giới truyền thống, các định kiến giới còn tồn tại (đang hiện hữu trên các thẻ hoặc trong suy nghĩ của học sinh) như nghề giáo viên bao gồm cả hình ảnh cô giáo và thầy giáo, công việc nội trợ bao gồm cả nam và nữ, việc chăm sóc con cái bao gồm vai trò của cả bố và mẹ...

## II. CHUẨN BỊ

1. Chương trình/kịch bản buổi hoạt động tập huấn bồi dưỡng Mô-đun 1;
2. Tài liệu; Một số hình ảnh/video minh họa có nhạy cảm giới;
3. Máy tính, máy chiếu, micro; Giấy khổ A4, A0; Bút dạ, kéo, băng dính,... (tùy từng hoạt động cụ thể để lựa chọn, chuẩn bị cho phù hợp).

## III. NỘI DUNG

Tổ chức một số hoạt động tăng cường kỹ năng đọc viết cho HS tiểu học theo 5 chủ đề.

## IV. THỜI GIAN VÀ THỜI LƯỢNG

1. **Thời gian tập huấn:** căn cứ vào quỹ thời gian ở lớp tập huấn (thời gian gợi ý tập huấn: 3 ngày)
2. **Thời lượng bồi dưỡng thường xuyên:** 60 tiết (20 tiết lý thuyết + 40 tiết thực hành).

(Lưu ý: Thời lượng trên là dành cho tổ chức tập huấn bồi dưỡng toàn bộ nội dung trong mô-đun. Địa phương có thể cân nhắc để lựa chọn nội dung và bố trí thời gian tập huấn phù hợp căn cứ vào điều kiện của địa phương)

## V. HOẠT ĐỘNG/TỔ CHỨC TẬP HUẤN BỒI DƯỠNG CỤ THỂ

## TỔ CHỨC MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC TĂNG CƯỜNG KỸ NĂNG ĐỌC, VIẾT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

### **Ghi chú :**

- Tên các hoạt động sử dụng theo tài liệu “Thẻ hoạt động rút gọn dành cho giáo viên” của Tổ chức Save the Children.
- Thời lượng tập huấn: tùy theo thời lượng tập huấn của địa phương, có thể tổ chức tập huấn trực tiếp cả 5 chủ đề hoặc chọn 1 chủ đề để tập huấn, các chủ đề khác học viên có thể tự đọc và thực hành.
- Cách thức tập huấn: chú trọng thực hành, vận dụng các hoạt động một cách hợp lý vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và tổ chức dạy học các môn học/hoạt động giáo dục **có đáp ứng giới**.
- + Triệu tập cả giáo viên nam và nữ tham gia
- + Chia nhóm làm việc nên có cả nam và nữ
- + Rà soát lại toàn bộ kịch bản bài dạy để xác định các địa chỉ cần lồng ghép giới (phần nào cần lồng ghép về nội dung, phần nào cần lồng ghép về phương pháp và cách thức tổ chức dạy học có đáp ứng giới)
- + Cho học viên rà soát, chia sẻ các vấn đề giới đang tồn tại ở nhà trường, trong quá trình dạy học cần thay đổi như:
  - Các khuôn mẫu giới, định kiến giới vẫn tồn tại ở giáo viên cần tháo gỡ.
  - Cách ứng xử có sự phân biệt giữa học sinh nam và nữ, những khó khăn mà học sinh nam và nữ khó tiếp cận trong học tập và thực hành các kỹ năng.

## **Chủ đề 1:** **NGÔN NGỮ**

### **1.1. Yêu cầu cần đạt**

- Hiểu được mục đích, cách thức tổ chức các hoạt động dạy học tăng cường kỹ năng đọc, viết thuộc Chủ đề 1, bao gồm: *Hoạt động theo cặp để giúp trẻ đọc trôi chảy và hiểu bài; Dùng bảng B-M-H để xây dựng kiến thức cơ bản; Sử dụng phương pháp Phản xạ toàn thân (TPR); Đặt câu với mẫu câu cho sẵn; Tìm từ đồng âm gần nghĩa giữa các ngôn ngữ.*

- Vận dụng được các hoạt động nói trên vào việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn học/ hoạt động giáo dục và tổ chức thực hiện các kế hoạch đó **có đáp ứng giới** nhằm tăng cường kỹ năng đọc, viết cho HS.

### **1.2. Tổ chức hoạt động**

**1.2.1. Hoạt động 1:** Tìm hiểu mục đích, cách thức tổ chức các hoạt động dạy học tăng cường kỹ năng đọc, viết thuộc Chủ đề 1, bao gồm: *Hoạt động theo cặp để giúp trẻ đọc trôi chảy và hiểu bài; Thẻ chữ cái có hình minh họa; Dùng bảng B-M- H để xây dựng kiến thức cơ bản của bài học; Sử dụng phương pháp Phản xạ toàn thân (TPR); Đặt câu với mẫu câu cho sẵn; Tìm từ đồng nghĩa,...*

#### **Phiếu giao nhiệm vụ số 1:**

1. Làm việc cá nhân: Đọc tài liệu – Chủ đề Ngôn ngữ, bao gồm: *Hoạt động theo cặp để giúp trẻ đọc trôi chảy và hiểu bài; Thẻ chữ cái có hình minh họa; Dùng bảng B-M-H để xây dựng kiến thức cơ bản; Sử dụng phương pháp Phản xạ toàn thân (TPR); Đặt câu với mẫu câu cho sẵn; Tìm từ đồng nghĩa,...*

#### **Lưu ý:**

- *Cần rà soát các hình minh họa trên thẻ còn tồn tại các khuôn mẫu, định kiến giới. Ví dụ như trên các thẻ màu có hình ảnh về nghề nghiệp cùng có khuôn mẫu giới thì giáo viên cần giải thích cho học sinh rằng cả nam và nữ đều có thể lựa chọn và có khả năng làm tất cả các nghề nghiệp phù hợp với năng lực*

*và sở thích của họ. Chẳng hạn từ “KỸ SƯ” minh họa bằng hình ảnh nam kỹ sư thì khi dạy giáo viên cần giải thích rằng không chỉ có nam kỹ sư mà có cả nữ kỹ sư hoặc khi đặt câu tránh cũng cố khuôn mẫu truyền thống như “Cô giáo em rất dịu dàng”, và câu “Thầy giáo em rất dịu dàng” vẫn là đáp án đúng.*

2. Thảo luận trong nhóm. Mỗi thành viên chọn 1 hoạt động, trình bày trong nhóm để trả lời các câu hỏi sau:

- Tên hoạt động là gì ? Mục đích hoạt động ? Cách thức tổ chức hoạt động ?

Anh/ chị đã từng tổ chức hoạt động này trong quá trình dạy học các môn học/hoạt động giáo dục chưa? (Nếu có thể, anh/chị hãy cho 1 VD về hoạt động mà anh/ chị đã từng tổ chức trong quá trình dạy học.)

- Theo anh/ chị, hoạt động này có thể sử dụng cho đối tượng HS nào (nam hay nữ, khuyết tật hay không khuyết tật, dân tộc thiểu số hay dân tộc đa số...)? Sử dụng trong môn học/ Hoạt động giáo dục nào?

- Anh/chị nhận thấy sự khác biệt nào giữa HS nam và HS nữ trong quá trình tham gia các hoạt động kể trên nhằm phát triển ngôn ngữ? Cần có sự điều chỉnh nào để mọi HS đều tiếp cận với hoạt động học tập và có kết quả học tập tốt nhất?

**Ví dụ:**

+ Với hoạt động làm việc theo cặp đôi thì học sinh nam và học sinh nữ thường làm gì? Điều ấy theo khuôn mẫu nào? Cần thay đổi cách thức tổ chức làm việc cặp đôi như thế nào để hiệu quả nhất?

+ Với hoạt động thẻ chữ cái có hình minh họa thì nam học sinh và nữ thường làm gì (ví dụ cách lựa chọn thẻ, có hành vi bắt chước các khuôn mẫu trong thẻ không? Cần điều chỉnh như thế nào?

+ Đặt câu hỏi tương tự với các hoạt động còn lại.

**1.2.2. Hoạt động 2:** Thực hành thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học tăng cường kỹ năng đọc, viết thuộc Chủ đề 1.

**Phiếu giao nhiệm vụ số 2:**

Mỗi nhóm chọn 01 hoạt động, thiết kế nội dung hoạt động và thực hành tổ chức

hoạt động đó tại lớp tập huấn.

**Lưu ý:**

- + Cần rà soát địa chỉ có thể lồng ghép giới (về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức) trong từng hoạt động.
- + Chú ý đến các khuôn mẫu giới, định kiến giới gây ra sự bất lợi trong việc tham gia các hoạt động của học sinh như các hoạt động nhẹ nhàng dành cho nữ và các hoạt động cần sức lực dành cho nam.

## THÔNG TIN/KIẾN THỨC PHẢN HỒI:

**Ví dụ về Hoạt động 3: Dùng bảng B – M – H để xây dựng kiến thức cơ bản**  
**Bảng B – M – H : Điều đã biết – Điều muốn biết – Điều học được**

### **A. Một số điểm lưu ý về cách vận dụng bảng B-M-H (KWL)**

#### **A.1. Mục đích hoạt động:**

Dạy học bất cứ nội dung nào, chủ đề nào cũng cần xác định được 3 điều:

- HS đã biết được những gì (đã có kiến thức gì), đã làm được những gì (đã có kỹ năng gì) liên quan đến bài học này?
- HS muốn biết thêm những gì về nội dung/ chủ đề học tập (mong muốn thu nhận những hiểu biết gì mới, muốn hình thành và rèn luyện những kỹ năng nào từ bài học).
- HS học được những gì từ bài học này (kiến thức – kỹ năng,...)?

**Lưu ý:** Cần rà soát các khuôn mẫu giới, định kiến giới từ trong các nội dung dạy học để định hướng cho học sinh tháo gỡ, loại bỏ các khuôn mẫu giới và định kiến giới ấy. Ví dụ khi các em nêu những điều đã biết mà có chứa đựng khuôn mẫu giới thì giáo viên cần đặt các câu hỏi gợi mở, dẫn dắt để học sinh nhận ra cần thay đổi các khuôn mẫu đó.

#### **A.2. Chuẩn bị:**

- Chọn nội dung dạy học (dựa trên chương trình), xác định nội dung dạy học của bài học.

- Lập bảng B – M – H (để giúp HS điều đã biết, muốn biết và cần học được)

Lưu ý: Ở môn Tiếng Việt, sử dụng bảng B – M – H phù hợp hơn trong việc dạy học đọc hiểu, tìm hiểu kiến thức tiếng Việt, tìm hiểu cách viết đoạn văn, bài văn.

VD : Xác định bài học thuộc nội dung học tập nào? Ở các bài đọc (câu chuyện, bài văn, bài thơ...), hoạt động đọc hiểu bao gồm:

- + Đọc hiểu nội dung
- + Đọc hiểu hình thức

+ Liên hệ, so sánh giữa các bài đọc, kết nối bài đọc với trải nghiệm của cá nhân người đọc, với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội **có tính đến gạt bỏ các khuôn mẫu giới, định kiến giới (nếu có)...**

- Ở nội dung Luyện từ và câu, nội dung dạy học về kiến thức tiếng Việt bao gồm:

- + Kiến thức ngữ âm và chữ viết (âm, chữ, dấu thanh, quy tắc chính tả)
- + Kiến thức từ vựng (mở rộng vốn từ, nghĩa của từ ngữ và cách dùng...)
- + Kiến thức ngữ pháp (dấu câu, từ loại, cấu trúc câu, kiểu câu và cách dùng...)
- + Hoạt động giao tiếp (biện pháp tu từ, đoạn văn, văn bản...)

### **A.3. Cách thức tổ chức hoạt động**

**Bước 1. Giới thiệu cho HS biết tên bài học / chủ đề học tập.**

**Bước 2. Cho HS điền vào cột 1 (Điều đã biết) ở bảng B-M-H.**

GV nêu câu hỏi khích lệ HS nêu những hiểu biết mình đã có, những việc mình có thể làm được liên quan đến nội dung bài học (tên bài học gợi ra). **VD:** Các em đã biết gì về chủ đề này / nội dung học tập này?

- ☐ HS điền vào bảng của cá nhân và phát biểu ý kiến
- ☐ GV ghi bảng chung cả lớp ý kiến của HS
- ☐ GV khen ngợi và khích lệ HS đã nhớ được/ có được các kiến thức – kĩ năng đã biết.

| <b>B</b><br><b>Điều đã biết</b><br><b>(Kiến thức-kĩ năng)</b> | <b>M</b><br><b>Điều muốn biết</b> | <b>H</b><br><b>Điều học được</b> |
|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|
| .....<br>.....<br>.....                                       |                                   |                                  |

### **Lưu ý:**

- Khi học sinh điền bảng, giáo viên cần quan sát xem HS có gặp trở ngại gì không để hỗ trợ, điều chỉnh môi trường bất lợi giúp mọi HS đều có thể hoàn thành nhiệm vụ của mình. Ví dụ: điều chỉnh khoảng cách đứng của GV để tất cả các em đều nghe được yêu cầu và hướng dẫn của GV, với các em khiếm thị cần giải thích cận kề hoặc phát bảng cá nhân chữ nổi, với các em khiếm thính thì cần chiếu hình ảnh hướng dẫn từng bước cụ thể, với các em khuyết tật vận động thì sắp xếp chỗ ngồi sao cho em đó thực hiện điền bảng thuận lợi nhất, với những em nhút nhát thì cần tiến lại gần động viên khích lệ các em phát biểu ý kiến...
- Cần sử dụng từ khoá ngắn gọn, với nhiều màu sắc khác nhau để tạo cảm

xúc, hứng thú và giúp các em dễ nhớ các nội dung điều bảng.

**Bước 3. Cho HS điền vào cột 2 (Điều muốn biết)**

GV nêu câu hỏi, VD : “Các em muốn biết gì về chủ đề này/ nội dung bài học này?”, cho HS xem lướt toàn bộ nội dung bài học trong SGK để tự xác định mong muốn có thêm kiến thức, kỹ năng gì từ bài học.

- ☐ HS điền vào cột 2 bảng cá nhân.
- ☐ HS nêu ý kiến trước lớp
- ☐ GV viết câu trả lời của HS vào cột **B** (biết) trên bảng phụ.
- ☐ GV viết câu trả lời của HS vào cột **M** (biết) trên bảng phụ

GV tóm tắt ý kiến và giải thích thêm về bài học tiếp theo có liên quan đến bài học trước đây và bài học hôm nay ở chỗ nào, HS cần làm gì tiếp theo để củng cố kiến thức – kỹ năng học tập)

**Lưu ý:** Giống như hướng dẫn ở bước 2

**Bước 4. Tổ chức hoạt động học tập**

GV tổ chức dạy học dựa trên KHBD đã chuẩn bị nhưng có điều chỉnh phù hợp với các thông tin đã thu được từ HS.

**Bước 5. Cho HS điền vào cột 3 (Điều đã học được)**

GV nêu câu hỏi chung cho cả lớp:

- Có điều gì mới các em đã học được từ bài học hôm nay?

☐ Viết câu trả lời của HS vào cột H (Hoặc có thể gọi HS tự lên viết câu trả lời của mình vào cột H).

- Có điều gì khác nữa các em đã học được từ bài học (gợi ý cả những điều đã phá bỏ các khuôn mẫu giới, định kiến giới. Ví dụ như: Trong buổi học hôm nay, để viết được thông tin và trình bày ý kiến thì các em thấy có những ai tham gia? Khi được tham gia thì các em cảm thấy thế nào? Ngoài chót các điều mới HS đã được học thì GV cũng nên nhấn mạnh thêm rằng ai cũng có khả năng và làm tốt theo cách phù hợp, chúng ta phải có trách nhiệm tạo cơ hội cho tất cả các bạn được tham gia. Ngoài ra, việc tham gia sẽ giúp mỗi chúng ta tự tin hơn, có cơ hội nêu ý kiến và đóng góp cho buổi học hiệu quả hơn)

☐ Viết câu trả lời của HS vào cột H (Hoặc có thể gọi HS tự lên viết câu trả lời của mình vào cột H).

- Bài học, giờ học có đáp ứng những điều các em mong muốn? (gợi ý cả những điều mong muốn phá bỏ các khuôn mẫu giới, định kiến giới. Ví dụ như: Trong buổi học hôm nay, để giúp các bạn tham gia nhiều hơn, hiệu quả hơn thì em mong muốn cô/thầy và các bạn làm gì? Ngoài chót các điều mới HS mong muốn thì GV cũng nên nhấn mạnh thêm rằng những mong muốn thay đổi sẽ phá vỡ các khuôn mẫu và phát huy sự sáng tạo của chính thầy/cô và các em để mỗi chúng ta có cơ hội học tập, tham gia bình

đăng) ...

**\*Ví dụ:**

Một ví dụ về biểu đồ B-M-H

Chủ đề : Khủng long

| B<br>Điều đã biết<br>(Kiến thức-kĩ năng)                                                                                                                                                         | M<br>Điều muốn biết                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | H<br>Điều học được                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"><li>- Khủng long rất to.</li><li>- Khủng long chết hết rồi.</li><li>- Chúng sống cách đây đã rất lâu rồi.</li><li>- Có nhiều phim nói về khủng long.</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Khủng long sống vào thời nào?</li><li>- Tại sao chúng chết?</li><li>- Chúng giống loài vật nào?</li><li>- Những ai nghiên cứu về chúng (nam hay nữ; nghiên cứu của họ bị ảnh hưởng bởi điều gì?)</li><li>- Làm thế nào chúng ta có thể tìm hiểu được về khủng long.</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Khủng long ăn lá cây, cũng có một loài ăn thịt.</li><li>- Nhiều con khủng long rất to nhưng não lại rất nhỏ.</li><li>- Các mẫu hoá thạch giúp chúng ta hiểu thêm về khủng long.</li><li>- Công việc, cuộc sống của các nhà khảo cổ rất thú vị (họ có niềm đam mê khám phá thế giới và những điều bí ẩn dù họ là nam hay nữ)</li></ul> |

**A.4. Đánh giá hiệu quả của hoạt động:**

- Trao đổi ý kiến về kết quả của việc dạy học có sử dụng bảng B-M-H (Cần quan tâm rà soát các khuôn mẫu giới, định kiến giới từ các ý kiến mà HS đưa về điều đã biết, muốn biết, đã học được để có sự điều chỉnh nhận thức của các em một cách kịp thời. Ví dụ như khi đưa ra ý kiến điều đã biết về khủng long, các em chia sẻ rằng chỉ nam giới khoẻ mạnh mới đánh bại được khủng long thì GV có thể điều chỉnh nhận thức của các em bằng cách đặt câu hỏi như “Liệu nữ giới không dùng sức mạnh thân thể thì có cách nào để đánh bại được khủng long không? (có, dùng mẹo hoặc trí tuệ, lợi dụng điểm yếu của khủng long... Mặt khác cũng đánh giá về việc khắc phục các bất lợi từ môi trường lớp học, các rào cản, khuôn mẫu từ xã hội và học sinh để thu hút mọi HS tham gia tích cực) .

- Đề xuất cách thức nâng cao hiệu quả của việc sử dụng bảng B-M-H trong quá trình dạy học có đáp ứng giới.

+ Luôn quan tâm đến sự bất lợi từ môi trường mà cản trở các cơ hội học tập, tham gia

của HS như vị trí đứng, chỗ ngồi, tình trạng khuyết tật của HS, các khuôn mẫu giới, định kiến giới đang tồn tại... để từ đó tìm giải pháp khắc phục.

+ Quá trình thay đổi đó nên có sự trao đổi và bàn bạc, cùng ra quyết định với HS, hỗ trợ HS thực hiện sự thay đổi một cách bền vững.

-Đánh giá hoạt động dạy học có đáp ứng giới: Sau mỗi giờ dạy, GV có thể tự chấm điểm theo các tiêu chí đánh giá:

- Số lượng ví dụ, nội dung về bình đẳng giới đã được sử dụng trong tiết học
- Mức độ tham gia đồng đều của học sinh nam và học sinh nữ như thế nào?
- Sự khuyến khích của GV nhằm thúc đẩy sự tham gia của học sinh một cách bình đẳng như thế nào, có tạo cơ hội cho các bạn nữ, các bạn e dè, các bạn có khó khăn trong giao tiếp vv... tham gia vào tiết học tốt hơn hay chưa.
- Tài liệu, dụng cụ sử dụng trong tiết học có đảm bảo không thể hiện các khuôn mẫu, định kiến giới hay không?

- Ngoài ra, giám sát và đánh giá về bình đẳng giới còn có thể được thực hiện thông qua các bài kiểm tra, đánh giá nhanh với cả giáo viên và học sinh để tìm hiểu:

- Mức độ hứng thú, quan tâm của học sinh và giáo viên đối với chủ đề bình đẳng giới.
- Sự thay đổi về các quan điểm giới, quan điểm thách thức các định kiến giới, ủng hộ bình đẳng và dung hợp trước và sau khi thực hiện các tiết học có nhạy cảm giới như thế nào?

## **B. Ví dụ minh họa về vận dụng bảng B-M-H vào việc xây dựng kế hoạch bài dạy của một bài học môn Tiếng Việt**

### **Tên bài học:**

### **ĐỘNG TỪ (Tiếng Việt - Lớp 4)**

#### **B.1. Giai đoạn chuẩn bị bài học**

Khi thiết kế (KHBD), GV đã phải xác định những kiến thức HS đã biết có liên quan đến bài học và những kiến thức mới cần được hình thành cho HS trong bài học. KHBD bài “Động từ” thường được GV thể hiện như sau:

| <b>Những kiến thức HS đã biết có liên quan đến bài học</b> | <b>Những kiến thức mới trong bài học cần được hình thành</b> |
|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| - Đã biết <b>từ ngữ</b> chỉ hoạt động qua các bài học      | - Nhận biết được động từ                                     |

|                                                                                                                                                                                    |                                                                                      |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| ở lớp 2 và 3 về từ ngữ chỉ hoạt động.<br>- Phân biệt được từ ngữ chỉ hoạt động với các từ ngữ chỉ sự vật và từ ngữ chỉ đặc điểm.<br>- Đặt được câu có từ ngữ chỉ hoạt động.<br>... | - Phân biệt được động từ với danh từ, tính từ.<br>- Sử dụng được động từ để đặt câu. |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|

Việc xác định những kiến thức HS đã biết có liên quan đến bài học và những kiến thức mới cần được hình thành cho HS trong bài học là những định hướng để GV tổ chức cho HS xây dựng nội dung trong bảng B-M-H.

## **B.2. Giai đoạn dạy học trên lớp**

Trước khi chính thức tổ chức hoạt động học bài Động từ, HS chỉ ghi các ý kiến của mình vào 2 cột đầu (điều đã biết, điều muốn biết).

**Bước 1. Giới thiệu nội dung bài học: Động từ**

**Bước 2. Cho HS điền vào cột 1 (Điều đã biết) ở bảng B-M-H**

Sau khi viết tên bài học (**Động từ**), GV nêu câu hỏi khích lệ HS nêu những hiểu biết mình về Động từ, những việc mình có thể làm được liên quan đến nội dung bài học về Động từ.

HS có thể phát biểu ý kiến (hoặc viết vào bảng (B-M-H) như sau:

| <b>B</b><br><b>Điều đã biết</b>                                                                                                                                                                          | <b>M</b><br><b>Điều muốn biết</b> | <b>H</b><br><b>Điều học được</b> |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|
| - Đã nhận biết từ ngữ chỉ hoạt động (học bài, đọc sách, quét nhà,...<br>- Đã phân biệt được từ ngữ chỉ hoạt động với từ chỉ sự vật và từ chỉ đặc điểm.<br>- Đã biết đặt câu có từ chỉ hoạt động.<br>-... |                                   |                                  |

**Lưu ý:**

- Khi học sinh điền bảng, giáo viên cần quan sát xem HS có gặp trở ngại gì không để hỗ trợ, điều chỉnh môi trường bất lợi giúp mọi HS đều có thể hoàn thành nhiệm vụ của mình. Ví dụ: điều chỉnh khoảng cách đứng của GV để tất cả các em đều nghe được yêu cầu và hướng dẫn của GV, với các em khiếm thị cần giải thích cận kề hoặc phát bảng cá nhân chữ nổi, với các em khiếm thính thì cần chiếu hình ảnh hướng dẫn từng bước cụ thể, với các em khuyết tật vận động thì sắp xếp chỗ ngồi sao cho em đó thực hiện điền bảng thuận lợi nhất, với những em nhút nhát thì cần tiến lại gần động viên khích lệ các em phát biểu ý kiến...
- Cần sử dụng từ khoá ngắn gọn, với nhiều màu sắc khác nhau để tạo cảm xúc, hứng thú và giúp các em dễ nhớ các nội dung điền bảng.

### **Bước 3. Cho HS điền vào cột 2 (Điều muốn biết)**

HS đọc lướt qua bài Động từ trong SGK rồi ghi vào cột 2 của bảng B-H-M của mỗi em rồi phát biểu ý kiến, và một số em ghi vào bảng B-H-M trên bảng phụ trên lớp.

Ví dụ, HS ghi vào bảng như sau:

| <b>B</b><br><b>Điều đã biết</b>                                                                                                                                                                                                                                                | <b>M</b><br><b>Điều muốn biết</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>H</b><br><b>Điều học được</b> |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã nhận biết từ ngữ chỉ hoạt động (học bài, đọc sách, quét nhà,...)</li> <li>- Đã phân biệt được từ ngữ chỉ hoạt động với từ chỉ sự vật và từ chỉ đặc điểm.</li> <li>- Đã biết đặt câu có từ chỉ hoạt động.</li> <li>- ...</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Động từ là gì?</li> <li>- Trong câu <i>Em quét nhà, em làm bài tập</i>, những từ nào là động từ?</li> <li>- <i>Ngủ, ngã, nghỉ ngơi</i> có phải là động từ không?</li> <li>- Đặt được câu với động từ.</li> <li>- Lưu ý: Sau khi chốt lại những điều muốn biết thì GV nên chỉ ra các khuôn mẫu giới cần thay đổi như việc quét nhà, chăm chỉ và làm tốt bài tập là của cả các bạn nam và nữ...,</li> </ul> |                                  |

### **Bước 4. Tổ chức các hoạt động học tập dựa trên KHBD đã soạn kết hợp với các ý kiến HS đã nêu (về những điều đã biết và muốn biết của các em)**

GV tổ chức dạy học bài **Động từ** dựa trên KHBD đã chuẩn bị nhưng có điều chỉnh phù hợp với các thông tin đã thu được từ HS. VD:

- Khai thác những ví dụ về động từ từ các ý kiến phát biểu của HS (tăng cường cho HS nêu các VD về từ chỉ hoạt động đã học ở lớp 2, 3).

- Đưa thêm nhiều VD về động từ được sử dụng phổ biến.

- Tuỳ theo trình độ của HS, có thể tổ chức thêm hoạt động đối chiếu động từ chỉ hoạt động với động từ chỉ trạng thái (không giải thích bằng khái niệm, chủ yếu đưa VD để HS bước đầu có sự phân biệt, nếu không sẽ “quá tải” với HS lớp 4). VD:

+ Con cò **bay** trên cánh đồng.

+ Lá cò **bay** trong gió.

Hướng dẫn HS phân biệt từ với cụm **từ** “quét” với **cụm từ** “quét nhà”.

☐ đọc – đọc sách

☐ ăn – ăn bánh mì v.v...

**Lưu ý:** Khi đề cập đến các động từ có nguy cơ chứa các khuôn mẫu giới và định kiến giới cần giúp cho HS nhận ra điều đó và chỉ ra giải pháp thay đổi. Ví dụ: động từ “quét nhà”, học sinh có xu hướng đặt câu “Mẹ em/Chị em/Em quét nhà” thì GV nên gợi ý rằng ai cũng có thể làm được việc đó chứ không phải việc đó là của phụ nữ.

### **Bước 5. Cho HS điền vào cột 3 (Điều đã học được)**

Đây là bước tổ chức cho HS xác nhận những điều đã học được, đã biết thêm, hiểu rõ hơn điều gì qua giờ học.

GV tổ chức cho HS điền thông tin vào cột H trong bảng B-M-H (có thể là bảng phát cho từng cá nhân hoặc cặp HS hay nhóm lớn hơn).

**Lưu ý:** Cần tổ chức hoạt động sao cho mọi học sinh đều tham gia tốt nhất như chú ý vị trí ngồi, đứng phù hợp cho học sinh, lưu ý từng dạng khuyết tật của học sinh để hỗ trợ mọi học sinh đều tham gia hiệu quả nhất.

Sau khi hướng dẫn HS học xong bài **Động từ** (nội dung học tập đã xong), GV nêu câu hỏi chung cho cả lớp để các em tự xác nhận những điều mới (kiến thức, kỹ năng mới) các em đã có được sau giờ học:

- Có điều gì mới các em đã học được từ bài học hôm nay?

**Lưu ý:** Gợi ý thêm các câu hỏi có nhạy cảm giới:

+ Khi điền thông tin và lấy ý kiến thì có những bạn nào tham gia?

+ Khi chúng ta được tham gia thì các con cảm thấy thế nào?

+ Có điều gì gây khó khăn hoặc cản trở con và các bạn tham gia không?

+ Thầy/ cô và các con cần phải làm gì để ai cũng được tham gia nêu nhiều ý kiến nhất?

☐ Viết câu trả lời của HS vào cột H (hoặc có thể mời HS tự viết).

- Có điều gì khác nữa các em đã học được từ bài học?

➔ Viết câu trả lời của HS vào cột H.

Ví dụ, HS phát biểu và GV ghi vào cột 3 của bảng như sau:

| B<br>Điều đã biết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | M<br>Điều muốn biết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | H<br>Điều học được                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã nhận biết từ ngữ chỉ hoạt động (học bài, đọc sách, quét nhà,...)</li> <li>- Đã phân biệt được từ ngữ chỉ hoạt động với từ chỉ sự vật và từ chỉ đặc điểm.</li> <li>- Đã biết đặt câu có từ chỉ hoạt động.</li> <li>- <b>Lưu ý:</b> Cần rà soát những khuôn mẫu giới, định kiến giới nào đang tồn tại trong các ý kiến của các em để hướng dẫn các em thay đổi...</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Động từ là gì?</li> <li>- Trong câu <i>Em quét nhà, em làm bài tập</i>, những từ nào là động từ?</li> <li>- <i>Ngủ, ngã, nghỉ ngơi</i> có phải là động từ không?</li> <li>- Đặt được câu với động từ.</li> <li>- <b>Lưu ý:</b> Sau khi chốt lại những điều muốn biết thì GV nên chỉ ra các khuôn mẫu giới cần thay đổi như việc quét nhà, chăm chỉ và làm tốt bài tập là của cả các bạn nam và nữ...,</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Động từ là từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.</li> <li>- Trong câu “<i>Em quét nhà, em làm bài tập.</i>” những từ <i>quét, làm</i> là động từ (chỉ hoạt động).</li> <li>- Các từ <i>ngủ, ngã, nghỉ ngơi, nhớ, mong</i>,... là động từ chỉ trạng thái.</li> <li>- Đặt được câu với động từ</li> <li>- <b>Lưu ý:</b> Khi đặt câu với các động từ có nguy cơ củng cố khuôn mẫu giới thì GV cần giúp HS nhận ra sự cần thiết thay đổi, phá bỏ các khuôn mẫu giới đó.</li> <li>- ...</li> </ul> |

- GV nói với HS: Bài học có đáp ứng những điều các em muốn biết hay chưa?
- GV sẽ trao đổi thêm với HS dựa vào các ý kiến cụ thể của các em.

### 1.3. Thực hành – Vận dụng

Học viên thực hành xây dựng kế hoạch dạy học **có đáp ứng giới (tích hợp lồng ghép giới về nội dung và phương pháp trong từng hoạt động)**, trong đó có sử dụng một hoặc một số hoạt động thuộc Chủ đề 1.

#### TIÊU KẾT CHỦ ĐỀ 1:

Chủ đề **Ngôn ngữ** giúp GV nắm được một số kỹ thuật dạy học phát huy tính tích cực của HS trong quá trình rèn các kỹ năng đọc, viết, nói, nghe và nhận biết kiến thức của môn học/ hoạt động giáo dục.

Các kỹ thuật dạy học ở chủ đề **Ngôn ngữ** bao gồm: *Hoạt động theo cặp để giúp trẻ đọc trôi chảy và hiểu bài; Thẻ chữ cái có hình minh họa; Dùng bảng B-M-H để xây dựng kiến thức cơ bản; Sử dụng phương pháp Phản xạ toàn thân (TPR); Đặt câu với mẫu câu cho sẵn; Tìm từ đồng âm gần nghĩa giữa các ngôn ngữ,...* GV cần chủ động vận dụng linh hoạt những kỹ thuật dạy học này trong quá trình dạy học (từ khâu xây dựng kế hoạch bài dạy đến tổ chức các hoạt động dạy học và đánh giá kết quả giáo dục) để **hỗ trợ mọi học sinh** tăng cường kỹ năng đọc, viết cho HS.

## Chủ đề 2:

### NGHE VÀ NÓI

#### 2.1. Yêu cầu cần đạt

- Hiểu được mục đích, cách thức tổ chức các hoạt động dạy học tăng cường năng lực ngôn ngữ **có đáp ứng giới** thuộc Chủ đề 2, bao gồm: *Đọc thành tiếng; Hợp sáng tác truyện; Tóm tắt một câu chuyện/ một buổi đọc truyện; Thay đổi bài hát; Tìm âm ghép cặp; Tôi thấy; Bắt bóng – Nói từ.*

- Vận dụng được các hoạt động nói trên vào việc xây dựng KHBD các môn học/ hoạt động giáo dục **có đáp ứng giới** và tổ chức thực hiện các kế hoạch **đó thu hút sự tham gia tích cực của mọi học sinh** nhằm tăng cường kỹ năng đọc viết cho HS.

#### 2.2. Tổ chức hoạt động

**2.2.1. Hoạt động 1:** Tìm hiểu mục đích, cách thức tổ chức các hoạt động dạy học tăng cường kỹ năng đọc, viết thuộc Chủ đề 2, bao gồm: *Đọc thành tiếng; Hợp sáng tác truyện; Tóm tắt một câu chuyện/ một buổi đọc truyện; Thay đổi bài hát; Tìm âm ghép cặp; Tôi thấy; Bắt bóng – Nói từ.*

#### **Phiếu giao nhiệm vụ số 1:**

1. Làm việc cá nhân: Đọc tài liệu – Chủ đề Nghe và nói, *Đọc thành tiếng; Hợp sáng tác truyện; Tóm tắt một câu chuyện/ một buổi đọc truyện; Thay đổi bài hát; Tìm âm ghép cặp; Tôi thấy; Bắt bóng – Nói từ.*

2. Thảo luận trong nhóm. Mỗi thành viên trong nhóm chọn 1 hoạt động, trình bày trong nhóm để trả lời các câu hỏi sau:

- Tên hoạt động là gì? Mục đích hoạt động? Cách thức tổ chức hoạt động?
- Anh/chị đã từng tổ chức hoạt động này trong quá trình dạy học các môn học/hoạt động giáo dục chưa? (Nếu có thể, anh/chị hãy cho 1 VD về hoạt động mà anh/chị đã từng tổ chức trong quá trình dạy học)
- Theo anh/chị, hoạt động này có thể sử dụng cho đối tượng HS nào? Sử dụng trong môn học/Hoạt động giáo dục nào?

- **Anh/chị nhận thấy có những khuôn mẫu giới, định kiến giới đang tồn tại trong nội dung dạy học và các phương pháp tổ chức hoạt động khiến HS chưa đạt được kết quả tốt nhất? Cần có sự điều chỉnh nào để mọi HS đều tiếp cận với hoạt động học tập và có kết quả học tập tốt nhất?**

**2.2.2. Hoạt động 2:** Thực hành thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học tăng cường kĩ năng đọc, viết thuộc Chủ đề 2.

**Phiếu giao nhiệm vụ số 2:**

Mỗi nhóm chọn 01 hoạt động, thiết kế nội dung hoạt động và thực hành tổ chức hoạt động đó tại lớp tập huấn.

**Yêu cầu:**

- Cần rà soát các nội dung có khuôn mẫu giới, định kiến giới để thay đổi trước khi đưa vào kế hoạch.
- Thiết kế hoạt động cần đảm bảo thu hút mọi HS tham gia đạt hiệu quả cao nhất.

**THÔNG TIN/KIẾN THỨC PHẢN HỒI**

**A. Vai trò của việc sử dụng ngôn ngữ nói đối với việc phát triển năng lực ngôn ngữ.**

**A.1. Vai trò của nghe và nói đối với việc tăng cường kĩ năng đọc, viết**

- Nghe và nói là nền tảng của đọc và viết.
- Khả năng nhận diện và sử dụng linh hoạt âm, vần trong ngôn ngữ rất quan trọng trong học đọc, học viết.
- Vốn từ vựng đóng vai trò quan trọng trong việc giúp HS hiểu được ngôn ngữ nói và văn bản viết.
- Nghe và kể chuyện nâng cao mức độ hiểu biết của HS về cấu trúc của văn bản viết, sau đó HS sẽ chuyển sang học đọc và viết văn bản viết.
- Phát triển các kĩ năng nghe và nói rõ ràng là rất quan trọng đối với HS, đặc biệt là đối với những HS học đọc viết bằng ngôn ngữ 2.

→ Nghe và nói là nền tảng để học đọc và viết. Nghe và nói thường xuyên giúp HS học ngữ âm của ngôn ngữ mà HS dùng để kết nối với chữ khi HS đang đọc và viết. HS cũng học hầu hết vốn từ vựng đầu đời thông qua nghe nói và sử dụng chúng khi nói. Từ vựng vô cùng quan trọng trong quá trình học đọc.

- Cần tìm ra các nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt giữa HS nam và HS nữ về nghe, nói, đọc, viết (ví dụ như GV thường yêu cầu HS nữ phải nắn nót, viết đẹp, còn đối với HS nam thì có thể bỏ qua yêu cầu này, hoặc yêu cầu HS nữ phải đọc nhẹ nhàng, âm lượng thấp trong khi đó lại khuyến khích HS nam đọc to). Chỉ ra giải pháp hỗ trợ HS nam và HS nữ nghe, nói, đọc, viết hiệu quả nhất.

## **A.2. Vai trò của đọc thành tiếng và kể chuyện đối với việc tăng cường kĩ năng đọc, viết**

- a) Đọc thành tiếng nên là một hoạt động thường ngày trong lớp học.
- b) Từ vựng của HS sẽ phát triển khi các em được tiếp xúc nhiều với ngôn ngữ mới, ví dụ như thông qua đọc thành tiếng. Điều này cũng giúp HS nghe những người có khả năng đọc trôi chảy (những người đọc với tốc độ vừa phải, chính xác và biểu cảm) thực hiện việc đọc như thế nào.
- c) Ở trường, GV có trách nhiệm đọc cho các HS không thể tự đọc được. Các HS lớn hơn hoặc “bạn cùng tiến” có thể tự đọc cũng có thể đọc thành tiếng cùng HS khác chưa đọc tốt bằng.
- d) Mặc dù một số HS nhỏ và một số em vẫn đang trong quá trình học đọc chưa sẵn sàng để đọc thành tiếng, các em vẫn có thể kể chuyện.
- e) Kể chuyện là một cách khác để hình thành và phát triển kĩ năng nghe và nói.
- g) Kể chuyện có thể hỗ trợ HS học và thực hành từ mới. Kĩ năng này cũng dạy HS về các loại cấu trúc truyện khác nhau (VD: truyện có nhân vật và bối cảnh; truyện có mở đầu, phát triển, kết thúc).

## **B. Ví dụ về Hoạt động 8: Hộp sáng tác truyện**

### **B.1. Mục đích hoạt động**

- Sử dụng kĩ thuật / hoạt động *Hộp sáng tác truyện* là cách giúp HS xây dựng một câu chuyện bằng cách sử dụng các đồ vật từ hộp hoặc túi cho sẵn.
- Sử dụng *Hộp sáng tác truyện* thực chất đây là hoạt động giúp phát triển năng lực ngôn ngữ, đặc biệt là năng lực **tạo lập văn bản** một cách sáng tạo, vượt ra khỏi lối mòn, sự cứng nhắc, đơn điệu trong tư duy của HS khi phải làm văn “theo mẫu”, theo cách trả lời các câu hỏi gợi ý, theo cách “mô hình” cho sẵn,....

- Ở môn Tiếng Việt, hoạt động *Hộp sáng tác truyện* phù hợp với các tiết Kể chuyện, Luyện nói theo chủ đề, viết đoạn văn, bài văn.
- Thực hiện tốt hoạt động này sẽ tạo được hứng thú học tập ở HS.

## B.2. Chuẩn bị

Có thể lựa chọn những cách làm khác nhau, VD:

- Cách 1: Hộp nhỏ (hoặc túi) và một số đồ vật bỏ vào trong đó (VD: quả bóng nhỏ, con thú đồ chơi, chiếc lá, nhánh cây, mảnh vải... hoặc bất kì thứ gì).



- Cách 2: Sử dụng các mảnh giấy (tờ thăm) có màu sắc khác nhau, trong đó viết tên sự vật, sự việc, hoạt động.

VD:

(1) Những mảnh giấy màu trắng ghi tên 1 **địa điểm** bất kì (cánh đồng, dòng sông, khu rừng, đỉnh núi, trên đường đi, v.v...).

(2) Những mảnh giấy màu xanh ghi tên **thời gian** bất kì (sáng, trưa, chiều, tối, mùa xuân, mùa hạ, mùa thu, mùa đông, ngày mưa, ngày nắng, ngày gió bão,...).

(3) Những mảnh giấy màu hồng ghi tên **nhân vật** là người hoặc vật (công chúa, hoàng tử, ông bụt, người làm vườn, cậu bé, cô bé,...; con mèo, con chó, con chim,...).

→ mỗi màu giấy để vào 1 chiếc bình để nhóm nào cũng nhận được các yêu cầu về nhân vật, thời gian, địa điểm ...

## B.3. Cách thức tổ chức hoạt động

(1) Cho HS xem chiếc hộp hoặc túi.

(2) GV nêu yêu cầu:

- Đối với việc sử dụng đồ vật trong hộp / túi, GV nói với HS: *Chúng ta sẽ xây dựng nên một câu chuyện dựa trên những đồ vật có trong hộp hoặc trong chiếc túi.* Tức

là câu chuyện các em xây dựng phải có sự xuất hiện các đồ vật trong chiếc hộp hoặc chiếc túi này.

- Đối với việc sử dụng các mẫu giấy (tờ thăm) đựng trong 3 chiếc hộp, GV nói với HS: *Mỗi nhóm lấy 1 tờ thăm trong 3 chiếc hộp, các em dựa vào nội dung ghi trên 3 tờ thăm đó để cùng nhau xây dựng một câu chuyện sao cho nội dung câu chuyện có nhắc đến các từ ngữ viết trong các tờ thăm.*

(3) GV thực hiện một ví dụ làm mẫu trước lớp : lấy ra 3 hoặc 4 đồ vật bất kì ở trong hộp hoặc túi (hoặc rút 3 tờ thăm trong 3 chiếc hộp) và xây dựng một câu chuyện có liên quan đến các đồ vật đó. (Lưu ý: Khi GV xây dựng câu chuyện phải tránh những hình ảnh cứng cổ khuôn mẫu giới như “Sáng nào cũng vậy, khi mọi người còn đang ngủ thì mẹ em đã thức dậy xách làn đi chợ..bởi hình ảnh này cứng cổ cho việc nội trợ mặc định là của phụ nữ nên có thể thay từ “mẹ em” bằng “bố em”)

(4) GV cùng cả lớp xây dựng một câu chuyện chung của lớp (có sự đóng góp ý kiến của các lớp và sự hỗ trợ, gợi ý, giúp đỡ của GV).

- GV khích lệ HS đưa ra các tình huống liên quan đến các sự vật hoặc từ ngữ bắt thăm.

- GV khích lệ HS phát biểu nêu ý kiến sẽ viết câu mở đầu thế nào rồi viết lại các câu HS phát biểu lên bảng.

- GV yêu cầu HS đọc thành tiếng/ đọc thầm từng câu.

- GV cho HS đưa ra các ý kiến thay đổi, điều chỉnh.

- GV yêu cầu HS chép lại câu chuyện và vẽ hình minh họa câu chuyện.

**Ví dụ:** GV rút 3 tờ (ở 3 chiếc hộp) thăm có ghi các từ ngữ như sau:

|               |              |          |
|---------------|--------------|----------|
| trên đường đi | ngày gió bão | con chim |
|---------------|--------------|----------|

Với 3 tờ thăm này, GV khích lệ HS đưa ra những phán đoán. HS có thể phát biểu các phán đoán khác nhau, GV giúp HS phát triển các sự việc/ tình tiết của câu chuyện theo tưởng tượng của các em. VD:

+ Có 1 con chim non nằm ở vệ cỏ bên gốc cây trên đường đi trong ngày mưa.

+ Đoán xem điều gì đã xảy ra với nó (VD: Trời mưa, tổ chim bị gió cuốn, chim non

bị rơi xuống, nó đang rất yếu, chim bố chim mẹ đi kiếm mồi chưa về...).

+ Chuyện gì sẽ xảy ra với nó đây? Có cách nào giúp cho con chó thoát khỏi tình huống này không? (VD: Có một người đi đường trông thấy đã nhặt nó lên, ủ ấm cho nó.../ Chim bố và chim mẹ vội vã bay về, quắp chim non đi tránh gió./ Chúng sẽ làm chiếc tổ khác./v.v....).



→ Từ các ý kiến của HS, GV tiếp tục khích lệ HS xây dựng nội dung câu chuyện theo các phán đoán, VD: Các em hãy cùng nhau viết câu chuyện của mình. Các em có thể vẽ tranh minh họa cho câu chuyện thêm thú vị và hấp dẫn.

### **Lưu ý:**

- GV có thể cho HS đứng thành vòng tròn hoặc hình chữ U để nghe và quan sát GV một cách dễ dàng.
- GV cần đứng ở vị trí hợp lý, đủ gần để mọi HS có thể quan sát và nghe GV tốt nhất.
- GV cần khích lệ và chủ động gọi tên mọi HS tham gia chứ không chỉ là những em tích cực, cần kiên nhẫn với những em nhút nhát, luôn khen ngợi mọi ý tưởng, sự tiến bộ của HS dù là nhỏ nhất hoặc chưa hay, chưa tốt như kỳ vọng của GV.
- Khi xây dựng nội dung câu chuyện nên tránh các hình ảnh chứa đựng khuôn mẫu giới, định kiến giới.

(5) GV đặt một số đồ vật khác vào túi (3 - 4 đồ vật) và yêu cầu HS tự xây dựng câu chuyện theo cách tương tự GV và HS đã cùng làm mẫu như cách làm trên đây.

GV có thể đi đến từng HS để gợi ý và hướng dẫn các em.

(6) Chia HS thành các nhóm nhỏ; có thể cho những hộp /túi khác nhau cho từng nhóm hoặc lấy những đồ vật từ hộp/ túi chung và yêu cầu từng nhóm tạo ra câu chuyện riêng của mình.

- Khi chia nhóm cần thiết lập nhóm có cả nam và nữ, có cả HS tích cực và HS nhút nhát, có cả HS thuộc dân tộc đa số và HS dân tộc thiểu số, có cả HS khuyết tật và HS không khuyết tật.

- Yêu cầu nhóm bầu ra trưởng nhóm để điều hành nhóm và bầu thư ký để ghi chép lại các ý kiến của nhóm.

- Nhắc các nhóm phải tạo mọi điều kiện để ai cũng được tham gia và nêu ý kiến của mình.

(7) Cho các nhóm xây dựng câu chuyện và kể lại câu chuyện trước lớp.

- Nhắc nhở các nhóm HS ghi nhận mọi ý kiến của các bạn trong nhóm, không chê bai, kỳ thị hay phản đối gay gắt.

(8) Hướng dẫn cả lớp xây dựng một câu chuyện chung của cả lớp, trong đó sử dụng những ý tưởng và đoạn văn được tạo ra bởi các nhóm.

#### **Lưu ý:**

- GV cần hướng dẫn HS loại bỏ các khuôn mẫu giới, định kiến giới ra khỏi các câu chuyện bằng cách đặt các câu hỏi gợi mở để HS nhận ra các khuôn mẫu giới, định kiến giới đang tồn tại trong tiềm thức của các em và gợi ý các giải pháp thay đổi. Ví dụ: Trong câu chuyện các em xây dựng có đề cập đến khuôn mẫu công việc nội là của người mẹ/phụ nữ trong gia đình thì GV có thể định hướng sự thay đổi khuôn mẫu cho HS bằng cách đặt các câu hỏi với HS: “Việc nội trợ trong gia đình ai có thể làm được? Điều gì sẽ xảy ra nếu chỉ có mẹ/phụ nữ trong gia đình làm công việc đó? Điều gì cần thay đổi để mọi người cùng chia sẻ công việc, có thời gian vui chơi và nghỉ ngơi như nhau...”

- Dành cơ hội cho các em đều được chia sẻ chứ không chỉ tập trung vào một số em tích cực.

#### **B.4. Đánh giá hiệu quả của hoạt động:**

- Trao đổi ý kiến về khả năng vận dụng trong dạy học các môn học hoặc các hoạt động của môn Tiếng Việt và kết quả của việc sử dụng *Hộp sáng tác truyện*.
- Đề xuất cách thức nâng cao hiệu quả của việc sử dụng *Hộp sáng tác truyện* trong quá trình dạy học. (**Lưu ý:** GV về lựa chọn hình ảnh trong các câu chuyện không mang khuôn mẫu, định kiến giới, đồng thời đề xuất các giải pháp để tạo cơ hội tốt nhất cho mọi đối tượng HS đều có thể tham gia).
- Đánh giá hoạt động dạy học có đáp ứng giới: Sau mỗi giờ dạy, GV có thể tự chấm điểm theo các tiêu chí đánh giá:
  - Số lượng ví dụ, nội dung về bình đẳng giới đã được sử dụng trong tiết học
  - Mức độ tham gia đồng đều của học sinh nam và học sinh nữ như thế nào?
  - Sự khuyến khích của GV nhằm thúc đẩy sự tham gia của học sinh một cách bình đẳng như thế nào, có tạo cơ hội cho các bạn nữ, các bạn e dè, các bạn có khó khăn trong giao tiếp vv... tham gia vào tiết học tốt hơn hay chưa.
  - Tài liệu, dụng cụ sử dụng trong tiết học có đảm bảo không thể hiện các khuôn mẫu, định kiến giới hay không?
- Ngoài ra, giám sát và đánh giá về bình đẳng giới còn có thể được thực hiện thông qua các bài kiểm tra, đánh giá nhanh với cả giáo viên và học sinh để tìm hiểu:
  - Mức độ hứng thú, quan tâm của học sinh và giáo viên đối với chủ đề bình đẳng giới.
  - Sự thay đổi về các quan điểm giới, quan điểm thách thức các định kiến giới, ủng hộ bình đẳng và dung hợp trước và sau khi thực hiện các tiết học có nhạy cảm giới như thế nào?

### 2.3. Thực hành – Vận dụng

Học viên thực hành xây dựng kế hoạch dạy học, trong đó có sử dụng một hoặc một số hoạt động thuộc Chủ đề 2.

#### TIÊU KẾT CHỦ ĐỀ 2:

Chủ đề **Nghe và nói** giúp GV hiểu vai trò của việc sử dụng ngôn ngữ nói đối với việc tăng cường kỹ năng đọc, viết. Chủ đề này cũng giúp GV nắm chắc

các cách thức tổ chức, vận dụng kỹ thuật dạy học giúp học sinh phát triển kỹ năng nghe, nói (duy trì sự chú ý khi nghe, tự tin khi phát biểu ý kiến, biết tương tác với người khác khi nói hoặc nghe); thông qua việc rèn kỹ năng nghe và nói, học sinh được tăng cường kỹ năng đọc, viết.

Các kỹ thuật dạy học ở chủ đề **Nghe và nói** bao gồm: *Đọc thành tiếng; Hợp tác sáng tác truyện; Tóm tắt một câu chuyện/một buổi đọc truyện; Thay đổi bài hát; Tìm âm ghép cặp; Tôi thấy; Bắt bóng – Nói từ,...* GV cần chủ động vận dụng linh hoạt những kỹ thuật dạy học vào việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn học / hoạt động giáo dục và tổ chức thực hiện các kế hoạch đó nhằm tăng cường kỹ năng đọc viết cho HS.

### **Chủ đề 3:**

## **NỀN TẢNG CỦA ĐỌC, VIẾT**

### **3.1. Yêu cầu cần đạt**

- Hiểu được mục đích, cách thức tổ chức các hoạt động dạy học tăng cường kỹ năng đọc, viết thuộc Chủ đề 3, bao gồm: *Suy nghĩ – Trao đổi nhóm đôi nam - nữ – Chia sẻ; Chơi với âm đầu của từ; Ghép chữ cái; Chiếm bắt từ vựng; Tạo ra từ; Hướng dẫn đọc thành tiếng.*
- Vận dụng được các hoạt động nói trên vào việc xây dựng KHBĐ các môn học/hoạt động giáo dục và tổ chức thực hiện các kế hoạch đó nhằm tăng cường kỹ năng đọc, viết cho HS **có đáp ứng giới.**

### **3.2. Tổ chức hoạt động**

**3.2.1. Hoạt động 1:** Tìm hiểu mục đích, cách thức tổ chức các hoạt động dạy học tăng cường kỹ năng đọc viết thuộc Chủ đề 3, bao gồm: *Suy nghĩ – Trao đổi nhóm đôi – Chia sẻ; Chơi với âm đầu của từ; Ghép chữ cái; Chiếm bắt từ vựng; Tạo ra từ; Hướng dẫn đọc thành tiếng.*

### **Phiếu giao nhiệm vụ số 1:**

1. Làm việc cá nhân: Đọc tài liệu – Chủ đề Nền tảng của đọc, viết, bao gồm:

*Suy nghĩ – Trao đổi nhóm đôi– Chia sẻ; Chơi với âm đầu của từ; Ghép chữ cái; Chiếc bát từ vụng; Tạo ra từ; Hướng dẫn đọc thành tiếng.*

2. Thảo luận trong nhóm. Mỗi thành viên trong nhóm chọn 1 hoạt động, trình bày trong nhóm để trả lời các câu hỏi sau:

- Tên hoạt động là gì? Mục đích hoạt động ? Cách thức tổ chức hoạt động?
- Anh/chị đã từng tổ chức hoạt động này trong quá trình dạy học các môn học/hoạt động giáo dục chưa? (Nếu có thể, anh/chị hãy cho 1 ví dụ về hoạt động mà anh/chị đã từng tổ chức trong quá trình dạy học.
- Theo anh/chị, hoạt động này có thể sử dụng cho đối tượng HS nào? Sử dụng trong môn học/Hoạt động giáo dục nào?
- Có sự khác biệt nào giữa những nhóm HS không? Nguyên nhân là gì? Cần thay đổi gì để mọi HS đều có khả năng tham gia hoạt động và đạt hiệu quả tốt nhất.

**3.2.2. Hoạt động 2:** Thực hành thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học tăng cường kĩ năng đọc, viết thuộc Chủ đề 3.

### **Phiếu giao nhiệm vụ số 2:**

Mỗi nhóm chọn 01 hoạt động, thiết kế nội dung hoạt động và thực hành tổ chức hoạt động đó tại lớp tập huấn.

**Yêu cầu:**

- Cần rà soát các nội dung có khuôn mẫu giới, định kiến giới để thay đổi trước khi đưa vào kế hoạch.
- Thiết kế hoạt động cần đảm bảo thu hút mọi HS tham gia đạt hiệu quả cao nhất.

## THÔNG TIN/KIẾN THỨC PHẢN HỒI:

### Ví dụ về Hoạt động 14: Suy nghĩ – Trao đổi nhóm đôi – Chia sẻ:

#### A. Mục đích hoạt động:

Hoạt động Suy nghĩ – Trao đổi nhóm đôi – Chia sẻ giúp HS hình thành năng lực làm việc độc lập, năng lực hợp tác, tạo cơ hội cho các em biết tự suy nghĩ khi làm việc cá nhân; có chính kiến, có tinh thần hợp tác, biết cách chia sẻ khi tham gia hoạt động theo cặp để trả lời câu hỏi hoặc giải quyết vấn đề mà GV đưa ra.

(Đối với môn Tiếng Việt, hoạt động Suy nghĩ – Trao đổi nhóm đôi – Chia sẻ phù hợp với việc tổ chức nhiều hoạt động, đặc biệt là dạy học đọc hiểu, tập làm văn và nghe- nói theo chủ điểm. Vì vậy khuyến khích GV giúp HS lập Bảng Suy nghĩ – Trao đổi nhóm đôi – Chia sẻ).

#### B. Chuẩn bị: Lập Bảng Suy nghĩ – Trao đổi nhóm đôi – Chia sẻ

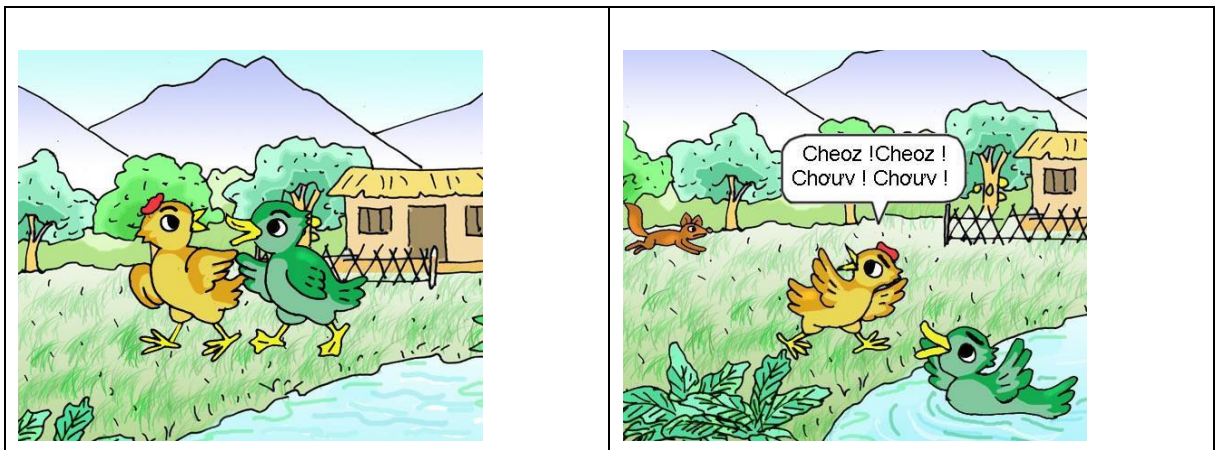
Ví dụ:

| (1)                  | (2)                       | (3)     |
|----------------------|---------------------------|---------|
| Suy nghĩ của cá nhân | Kết quả trao đổi nhóm đôi | Chia sẻ |
| ...                  | ...                       | ...     |

#### C. Cách thức tổ chức hoạt động

Nhiệm vụ học tập:

- Viết câu chuyện theo nội dung tranh (đối với lớp 4, 5).
- Viết câu dưới tranh (đối với lớp 2, 3).





### **Các bước:**

(1) GV nêu yêu cầu bài học và giới thiệu về bảng Suy nghĩ – Trao đổi nhóm đôi – Chia sẻ cùng cách thực hiện ghi chép vào bảng.

- GV giúp HS hiểu: Khi đọc hiểu 1 câu chuyện, bài văn, bài thơ hoặc khi cần xây dựng nội dung cho bài nói, bài viết, việc đầu tiên là ghi lại vào cột “Suy nghĩ cá nhân” tất cả các ý kiến, ý tưởng hay cách hiểu của mình khi thực hiện nhiệm vụ học tập. Cụ thể, các em cần tự trả lời/ tự thực hiện nhiệm vụ theo khả năng của mình, kiến thức/ hiểu biết của mình, cách làm/ cách giải quyết của mình vào và ghi vào cột Suy nghĩ trong thời gian cho phép.

- GV hướng dẫn HS suy nghĩ và ghi lại tất cả ý kiến của mình vào cột Suy nghĩ. : Với 4 bức tranh nêu trong đề bài, các em đoán xem trong tranh có những con vật gì, theo thứ tự các tranh, chuyện gì xảy ra với chúng.

VD: HS ghi vào cột Suy nghĩ.

| Suy nghĩ của cá nhân                                                                                                                                          | Trao đổi nhóm đôi | Chia sẻ |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gà và vịt đi trên bờ ao</li> <li>- Cáo mò tới</li> <li>- Vịt nhảy xuống nước</li> <li>- Gà không biết bơi</li> </ul> |                   |         |

|                                                                                                                     |  |  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vịt công gà bơi ra giữa ao</li> <li>- Cáo tức giận</li> <li>...</li> </ul> |  |  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|

2) GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp để chia sẻ ý kiến với bạn ngồi cạnh, sau đó ghi các ý kiến khác của bạn hoặc ý kiến mới trong lúc làm việc theo cặp vào cột Trao đổi nhóm đôi. Trong khi các em làm việc theo cặp, GV quan sát và hỗ trợ các cặp (HS làm việc theo cặp trong 5 phút).

Ví dụ:

- Khi HS làm việc theo cặp, các em sẽ trình bày ý kiến riêng và thuyết phục nhau / trao đổi , bàn bạc đi đến thống nhất ý kiến và ghi kết quả trao đổi vào cột thứ 2 – Trao đổi nhóm đôi.

| Suy nghĩ của cá nhân                                                                                                                                                                                                                     | Trao đổi nhóm đôi                                                                                                                                                                                                         | Chia sẻ |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gà và vịt đi trên bờ ao</li> <li>- Cáo mò tới</li> <li>- Vịt nhảy xuống nước</li> <li>- Gà không biết bơi</li> <li>- Vịt công gà bơi ra giữa ao</li> <li>- Cáo tức giận</li> <li>...</li> </ul> | <p>Ý kiến bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lúc đầu: Gà không thích chơi với vịt lắm, vì vịt biết bơi;</li> <li>- Về sau: Được vịt cứu, gà cảm ơn vịt, coi nhau là bạn thân.</li> <li>....</li> </ul> |         |

### **CÙNG VIẾT CÂU CHUYỆN:**

|  |
|--|
|  |
|--|

1. Vịt mẹ đi chợ xa, gửi Vịt con sang nhà Gà mẹ. Gà mẹ gọi Gà con ra chơi với bạn.
2. Đôi bạn dắt nhau ra vườn chơi. Thấy Vịt con chậm chạp, Gà con không thích nên bỏ đi chơi một mình. Vịt con buồn quá, xuống ao mò tép ăn.
3. Một con Cáo thấy Gà con đi một mình liền nhảy ra vồ. Gà con sợ quá chạy vội ra bờ ao:
  - Chiếp! Chiếp! Cứu tôi với !Nghe tiếng kêu cứu, Vịt con vội lướt nhanh vào bờ cứu bạn ra xa. Cáo đành đứng trên bờ ao tiếc rẻ.
4. Gà con thoát chết, vội cảm ơn và xin lỗi bạn. Đôi bạn ngày càng thân thiết.

(3) GV hướng dẫn các cặp đôi chia sẻ ý kiến với cả lớp với 2 mức độ:

- Mỗi cặp chia sẻ về 1 ý kiến trong bảng.
- Tất cả các cặp chia sẻ nhận xét chung về tất cả các ý kiến (Làm việc theo lớp).

**Lưu ý:**

- Hoạt động có thể được thực hiện mà không cần bảng biểu gì thêm (nhất là khi HS đã nắm được phương pháp làm việc, có tác phong suy nghĩ độc lập).

- GV cần đề cao tinh thần hợp tác, chia sẻ giữa các HS để cùng nhau học tập tốt hơn.

- GV cần hướng dẫn HS xóa bỏ các khuôn mẫu, định kiến giới đang tồn tại trong ý kiến cá nhân, chia sẻ cặp đôi và gợi ý các giải pháp thay đổi khi các em chia sẻ.

**D. Đánh giá hiệu quả của hoạt động:**

- Trao đổi ý kiến về khả năng vận dụng trong dạy học các môn học hoặc các hoạt động trong môn Tiếng Việt và kết quả của việc vận dụng hoạt động Suy nghĩ – Trao đổi nhóm đôi – Chia sẻ.

- Cần tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động Trao đổi nhóm đôi và chia sẻ dẫn tới hiệu quả không tốt của mỗi HS, tìm ra nguyên nhân và cách khắc phục.
- Đề xuất cách thức nâng cao hiệu quả của việc sử dụng hoạt động Suy nghĩ – Trao đổi nhóm đôi – Chia sẻ trong quá trình dạy học.
- Đánh giá hoạt động dạy học có đáp ứng giới: Sau mỗi giờ dạy, GV có thể tự chấm điểm theo các tiêu chí đánh giá:
  - Số lượng ví dụ, nội dung về bình đẳng giới đã được sử dụng trong tiết học
  - Mức độ tham gia đồng đều của học sinh nam và học sinh nữ như thế nào?
  - Sự khuyến khích của GV nhằm thúc đẩy sự tham gia của học sinh một cách bình đẳng như thế nào, có tạo cơ hội cho các bạn nữ, các bạn e dè, các bạn có khó khăn trong giao tiếp vv... tham gia vào tiết học tốt hơn hay chưa.
  - Tài liệu, dụng cụ sử dụng trong tiết học có đảm bảo không thể hiện các khuôn mẫu, định kiến giới hay không?
- Ngoài ra, giám sát và đánh giá về bình đẳng giới còn có thể được thực hiện thông qua các bài kiểm tra, đánh giá nhanh với cả giáo viên và học sinh để tìm hiểu:
  - Mức độ hứng thú, quan tâm của học sinh và giáo viên đối với chủ đề bình đẳng giới.
  - Sự thay đổi về các quan điểm giới, quan điểm thách thức các định kiến giới, ủng hộ bình đẳng và dung hợp trước và sau khi thực hiện các tiết học có nhạy cảm giới như thế nào?

### 3.3. Thực hành – Vận dụng

Học viên thực hành xây dựng kế hoạch dạy học, trong đó có sử dụng một hoặc một số hoạt động thuộc Chủ đề 3.

#### **TIỂU KẾT CHỦ ĐỀ 3:**

Chủ đề **Nền tảng của đọc và viết** cung cấp cho GV một số kỹ thuật dạy

học để vận dụng trong quá trình dạy học các môn học / hoạt động giáo dục, thông qua đó, tạo cho HS cơ hội rèn luyện kỹ năng đọc (đọc thành tiếng và đọc hiểu), viết (có vốn từ dồi dào, trình bày vấn đề một cách mạch lạc); phát triển tư duy, tự tin khi trình bày một vấn đề.

Các kỹ thuật dạy học ở chủ đề **Nền tảng của đọc và viết** bao gồm: *Suy nghĩ – Trao đổi nhóm đôi – Chia sẻ; Chơi với âm đầu của từ; Ghép chữ cái; Chiếm bắt từ vựng; Tạo ra từ; Hướng dẫn đọc thành tiếng...* GV cần chủ động vận dụng linh hoạt những kỹ thuật dạy học này vào việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn học/ hoạt động giáo dục và tổ chức thực hiện các kế hoạch đó nhằm tăng cường kỹ năng đọc, viết cho HS.

### **Chủ đề 4:**

## **ĐỌC VÀ VIẾT VĂN BẢN VĂN HỌC (VĂN BẢN NGHỆ THUẬT)**

### **4.1. Yêu cầu cần đạt**

- Hiểu được mục đích, cách thức tổ chức các hoạt động dạy học tăng cường kỹ năng đọc, viết thuộc Chủ đề 4, bao gồm: *Sử dụng sơ đồ kể chuyện để hiểu hoặc viết văn bản văn học; Thi tìm từ đồng nghĩa; Dự đoán; Đặt câu hỏi trước, trong và sau khi đọc sách; Sử dụng sơ đồ kể chuyện để viết câu hỏi; Suy luận; Đồng ý hay Phản đối?*
- Vận dụng được các hoạt động nói trên vào việc xây dựng KHBD các môn học/hoạt động giáo dục **có đáp ứng giới** và tổ chức thực hiện các kế hoạch đó nhằm tăng cường kỹ năng đọc, viết cho HS.

### **4.2. Tổ chức hoạt động**

**4.2.1. Hoạt động 1:** Tìm hiểu mục đích, cách thức tổ chức các hoạt động dạy học tăng cường kỹ năng đọc, viết thuộc Chủ đề 4, bao gồm: *Sử dụng sơ đồ kể chuyện để hiểu hoặc viết văn hư cấu; Thi tìm từ đồng nghĩa; Dự đoán; Đặt câu hỏi trước, trong và sau khi đọc sách; Sử dụng sơ đồ kể chuyện để viết câu hỏi; Suy luận; Đồng ý hay Phản đối?*

### **Phiếu giao nhiệm vụ số 1:**

**1. Làm việc cá nhân:** Đọc tài liệu – Chủ đề Đọc và viết văn bản văn học, bao

*gồm: Sử dụng sơ đồ kể chuyện để hiểu hoặc viết văn hư cấu; Thi tìm từ đồng nghĩa; Dự đoán; Đặt câu hỏi trước, trong và sau khi đọc sách; Sử dụng sơ đồ kể chuyện để viết câu hỏi; Suy luận; Đồng ý hay Phản đối ?*

**2. Thảo luận trong nhóm.** Mỗi thành viên trong nhóm chọn 1 hoạt động, trình bày trong nhóm để trả lời các câu hỏi sau:

- Tên hoạt động là gì? Mục đích hoạt động? Cách thức tổ chức hoạt động
- Anh/chị đã từng tổ chức hoạt động này trong quá trình dạy học các môn học/hoạt động giáo dục chưa? (Nếu có thể, anh/chị hãy cho 1 ví dụ về hoạt động mà anh/chị đã từng tổ chức trong quá trình dạy học)
- Theo anh/chị, hoạt động này có thể sử dụng cho đối tượng HS nào? Sử dụng trong môn học/Hoạt động giáo dục nào?
- Anh/chị nhận thấy những yếu tố nào cản trở sự tham gia của HS trong quá trình tham gia học tập? Cần có sự điều chỉnh nào để mọi HS đều tiếp cận với hoạt động học tập và có kết quả học tập tốt nhất?

**4.2.2. Hoạt động 2:** Thực hành thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học tăng cường kĩ năng đọc, viết thuộc Chủ đề.

**Phiếu giao nhiệm vụ số 2:**

Mỗi nhóm chọn 01 hoạt động, thiết kế nội dung hoạt động và thực hành tổ chức hoạt động đó tại lớp tập huấn.

**THÔNG TIN/KIẾN THỨC PHẢN HỒI:**

**A. Các hoạt động dạy học tăng cường kĩ năng đọc, viết thuộc Chủ đề 4**

Trong Chương trình môn Tiếng Việt, HS được đọc và viết các văn bản văn học, bên cạnh các văn bản thông tin. Chủ đề 4 giới thiệu một số kĩ thuật dạy học có thể vận dụng trong việc dạy HS đọc – viết – nghe – nói các văn bản văn học, đó là:

*(1) Sơ đồ kể chuyện:*

*Sử dụng sơ đồ kể chuyện ( hoặc sử dụng sơ đồ kể chuyện để viết câu hỏi) trong việc dạy học đọc hiểu, dạy học kể chuyện hay dạy viết văn kể chuyện giúp HS học tập dễ*

dàng, thuận lợi hơn. Các em sẽ nắm được phương pháp tóm tắt câu chuyện để hiểu và dễ dàng nhớ nội dung chính của câu chuyện, biết cách xây dựng cốt truyện để kể một câu chuyện (nói hoặc viết).

## *(2) Thi tìm từ đồng nghĩa*

Thi tìm từ đồng nghĩa cũng là một kỹ thuật dạy học nên được vận dụng trong dạy học tiếp nhận và tạo lập văn bản văn học. Khi đọc văn bản văn học, HS sẽ gặp những từ ngữ có tính “nghệ thuật”, có khả năng biểu đạt tinh tế. Để giúp HS hiểu thấu đáo từ ngữ đó, GV có thể tổ chức cho HS thi tìm từ có nghĩa tương tự (từ đồng nghĩa). Cách làm này vừa giúp HS hiểu nghĩa của từ ngữ trong văn bản, vừa giúp các em mở rộng vốn từ, đồng thời cũng giúp HS luyện tập kỹ năng lựa chọn từ ngữ trong nói và viết.

## *(3) Dự đoán, suy luận*

Trong dạy đọc hiểu hay tạo lập văn bản văn học (văn bản phát huy trí tưởng tượng của HS), sử dụng kỹ thuật dạy học “dự đoán”, “suy luận” giúp các em phát triển khả năng tư duy và trí tưởng tượng, có cơ hội vượt qua cách suy nghĩ công thức, máy móc. GV nên yêu cầu HS dự đoán điều gì sẽ xảy ra, sự việc tiếp theo là gì... trong khi đọc bài, trong khi kể câu chuyện lần đầu các em được đọc, được nghe kể. Vận dụng kỹ thuật “suy luận” cũng tạo cơ hội để HS biết cách tư duy logic. Các phán đoán cần có sự suy luận dựa trên logic các tình tiết, sự việc, dữ kiện.

## *(4) Đặt câu hỏi trước, trong và sau khi đọc sách*

Đây là kỹ thuật dạy học đưa lại nhiều hiệu quả tích cực trong dạy học đọc hiểu. Vận dụng kỹ thuật dạy học này trong quá trình dạy đọc – một kỹ năng quan trọng trong chương trình môn Tiếng Việt và nhiều môn học khác (như Lịch sử, Địa lí....), HS sẽ được rèn luyện phương pháp học tập tích cực, thể hiện năng lực tự chủ trong việc chiếm lĩnh kiến thức. Trước khi đọc văn bản, các câu hỏi phán đoán về nội dung bài sẽ đọc dựa trên nhan đề (tên bài), tên tác giả hoặc tranh ảnh minh họa sẽ tạo cho HS đón nhận nội dung chủ động hơn. Các câu hỏi trong khi đọc do GV đặt ra hay HS tự đặt ra giúp các em có cơ hội là người “đồng sáng tác” với tác giả bài viết, đồng thời biết dừng lại để suy nghĩ kết nối với các chi tiết trước đó và phán đoán những chi tiết tiếp theo). Câu hỏi sau khi đọc được đặt ra giúp HS có cơ hội

hiểu ý nghĩa khái quát của toàn bộ bài đọc hoặc liên hệ nội dung bài đọc với cuộc sống hiện tại.

#### **(5) Đồng ý hay phản đối**

Môn Tiếng Việt, môn Đạo đức chú trọng rèn kỹ năng giao tiếp văn minh, lịch sự cho HS. Nói lời đồng ý hay phản đối vừa giúp HS biết bộc lộ ý kiến cá nhân rõ ràng (kết quả của quá trình tư duy, giải quyết vấn đề), đồng thời giúp các em tích lũy và rèn luyện kỹ năng sống thông qua thực hành nói và đáp lời đồng ý hay không đồng ý.

### **B. Ví dụ về sử dụng sơ đồ kể chuyện**

#### **B.1. Sử dụng sơ đồ kể chuyện trong dạy đọc hiểu và kể chuyện**

Trong quá trình dạy đọc hiểu một văn bản văn học hay dạy học kể chuyện, GV có thể vận dụng sơ đồ kể chuyện để giúp HS nắm được nội dung chính của câu chuyện, nhớ được cốt truyện để kể lại được từng đoạn hoặc cả câu chuyện.

Có thể tiến hành theo các bước sau đây:

#### **Bước 1: Đọc truyện / Nghe kể câu chuyện**

HS đọc truyện/ nghe đọc truyện hoặc nghe kể chuyện (trong quá trình đọc cho HS nghe hoặc kể chuyện cho HS nghe, GV có thể kết hợp sử dụng kỹ thuật “dự đoán” và “suy luận” để HS phát huy tính tích cực trong tiếp nhận văn bản).

#### **Bước 2. Chuẩn bị dữ liệu**

Sau khi đọc/ nghe đọc/ nghe kể câu chuyện, GV sử dụng câu hỏi để HS liệt kê/nhắc lại các thông tin quan trọng: bối cảnh (thời gian, địa điểm), các nhân vật, các sự việc... trong câu chuyện.

#### **Lưu ý:**

- Nếu trong lớp có một số HS với những dạng tật khác nhau thì cần kết hợp cả hình ảnh câu chuyện, chuyện viết ra giấy và đọc để đảm bảo mọi HS tiếp thu đầy đủ thông tin từ câu chuyện.
- GV cần khuyến khích các em HS nhút nhát, thiếu tự tin nhắc lại thông tin.

#### **Bước 3: Xây dựng sơ đồ câu chuyện**

- Việc 1: Sau khi đã liệt kê được các thông tin quan trọng của câu chuyện, GV cho HS sắp xếp các dữ liệu đó (đặc biệt là các sự việc theo trình tự/ diễn biến) của câu

chuyện.

- Việc 2: Hướng dẫn HS lập sơ đồ (vẽ sơ đồ câu chuyện) sao cho thể hiện được sự kết nối của các tình tiết/ các sự việc/ các nhân vật cùng với thời gian, địa điểm...

**Lưu ý:**

- Nếu lớp có nhiều HS có khó khăn về viết thì GV có thể chuẩn bị các tấm thẻ ghi nội dung của các sự kiện và cho HS thảo luận, sắp xếp các sự kiện đó theo trình tự, diễn biến của câu chuyện.

Ví dụ:

**Chuyện quả bầu**

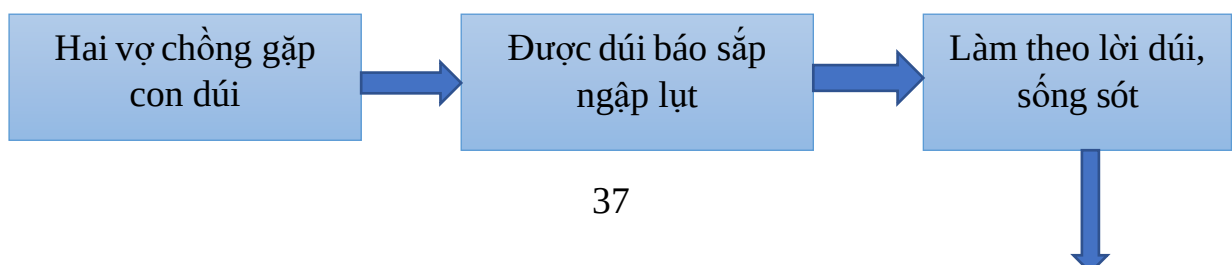
Ngày xưa, có hai vợ chồng đi rừng, bắt được một con dúi. Dúi xin tha, hứa sẽ nói một điều bí mật. Hai vợ chồng tha cho dúi. Dúi bảo sắp ngập lụt, khuyên họ lấy khúc gỗ to, khoét rỗng, chuẩn bị thức ăn đủ bảy ngày, rồi chui vào đó, bịt kín miệng gỗ lại, hết hạn bảy ngày hãy chui ra.

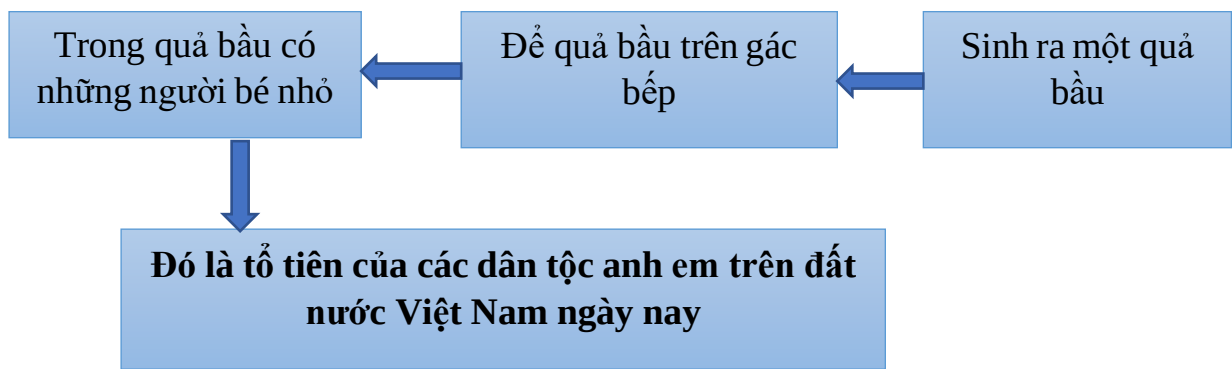
Hai vợ chồng làm theo. Khi hai người vừa chuẩn bị xong thì sấm chớp đùng đùng, mưa to gió lớn, nước ngập mênh mông. Nhờ sống trong khúc gỗ nổi như thuyền, hai vợ chồng thoát nạn. Sau bảy ngày, họ chui ra. Mặt đất vắng tanh không còn một bóng người.

Ít lâu sau, người vợ sinh ra một quả bầu. Chị đem bầu cất lên giàn bếp. Một lần, đi làm nương về, họ nghe thấy tiếng cười đùa trong quả bầu. Họ nhẹ nhàng dúi quả bầu. Lạ thay, từ trong quả bầu, những con người bé nhỏ nhảy ra. Người Khơ-mú ra trước, tiếp đến người Thái, người Mường, người Hmông, người Ê-đê, người Ba-na, người Kinh,... lần lượt ra theo.

**Theo TRUYỆN CỔ KHƠ-ME**

**SƠ ĐỒ:**





## **B.2. Sử dụng sơ đồ kể chuyện trong dạy viết văn kể chuyện hư cấu (kể chuyện theo trí tưởng tượng của người kể)**

HS chuẩn bị nói và viết một câu chuyện hư cấu, mỗi HS đã có một tờ giấy. Trên tờ giấy vẽ 5 hình chữ nhật. HS sẽ viết một từ hay vài từ lên mỗi hình chữ nhật. Ví dụ: bối cảnh, các nhân vật, vấn đề, các sự việc và cách giải quyết vấn đề.

- GV nói:

+ Bối cảnh là địa điểm và thời gian mà câu chuyện xảy ra. Câu chuyện các em xảy ra ở đâu? Câu chuyện xảy ra khi nào?

+ Các nhân vật trong câu chuyện này là người hay con vật?

+ Các nhân vật làm một số việc trong câu chuyện, như gặp một khó khăn nào đó...

Trong câu chuyện này, vấn đề khó khăn đó là gì?

+ Những sự việc xảy ra trong câu chuyện này là gì?

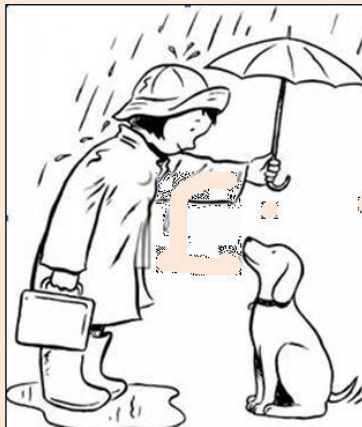
+ Cách giải quyết vấn đề là cách giải quyết cho một vấn đề hoặc khó khăn trong câu chuyện thường xuất hiện ở đoạn cuối câu chuyện. Cách giải quyết vấn đề trong câu chuyện này là gì?

**Ví dụ:**

## ĐỀ BÀI

(Đề kiểm tra viết)

Dựa vào tranh dưới đây, nhóm em cùng xây dựng một câu chuyện có các nhân vật và hành động thể hiện trong bức tranh.



- GV hướng dẫn HS xây dựng cốt truyện (sơ đồ cốt truyện) như sau:

- + Có 1 con chó đang đi trên đường thì bị mưa.
- + Chuyện gì sẽ xảy ra với nó đây?
- + Nó bị ướt và rét? Nó sợ hãi vì mưa to? Nó bị lạc? /v.v...
- + Có cách nào giúp cho con chó thoát khỏi tình huống này không?
- + Có một người đi đường trông thấy đã che ô cho nó./ Người chủ của nó đi tìm. / Người hàng xóm đã nhìn thấy và đưa nó về cho chủ nhân của con chó./...

➔ Vậy chúng ta cùng nhau viết câu chuyện này:

- Sau khi HS viết các từ hoặc các câu vào tất cả các hình chữ nhật, hãy hỏi : “Em có thích câu chuyện này không?” Hoặc “Câu chuyện có nhắc em nhớ về một câu chuyện khác mà em đã đọc không? Hoặc “Câu chuyện này có gợi nhớ cho em về chuyện gì đã xảy ra trong cuộc sống thực tế của em không?”.

**Lưu ý:** Khi xây dựng câu chuyện mà các nhân vật có những quan điểm còn tồn tại khuôn mẫu giới, định kiến giới hoặc hành vi có sự phân biệt đối xử về giới thì GV cần đặt câu hỏi gợi mở để HS nhận ra các khuôn mẫu, hậu quả của các khuôn mẫu, định kiến đó ảnh hưởng đến quyền bình đẳng của em và mọi người xung quang, từ đó gợi ý các giải pháp thay đổi phù hợp.

### 4.3. Thực hành – Vận dụng

Học viên thực hành xây dựng kế hoạch dạy học, trong đó có sử dụng một hoặc một số hoạt động thuộc Chủ đề 4.

#### TIỂU KẾT CHỦ ĐỀ 4:

Chủ đề **Đọc và viết văn bản văn học (văn bản nghệ thuật)** giúp GV biết cách tổ chức các hoạt động dạy học nhằm tăng cường kỹ năng đọc viết văn bản nghệ thuật thông qua một số kỹ thuật dạy học (như *Sử dụng sơ đồ kể chuyện để hiểu hoặc viết văn bản văn học; Thi tìm từ đồng nghĩa; Dự đoán; Đặt câu hỏi trước, trong và sau khi đọc sách; Sử dụng sơ đồ kể chuyện để viết câu hỏi; Suy luận; Đồng ý hay Phản đối ?*,...) để vận dụng trong quá trình dạy học các môn học / hoạt động giáo dục.

Trong quá trình xây dựng kế hoạch dạy học các môn học/ hoạt động giáo dục và tổ chức thực hiện các kế hoạch đó, GV cần vận dụng linh hoạt các kỹ thuật dạy học nhằm tạo cho mọi HS cơ hội rèn luyện kỹ năng tiếp nhận văn bản nghệ thuật (đọc thành tiếng, đọc - hiểu nội dung chính và thông điệp của tác phẩm văn học, phát hiện ra một số tín hiệu nghệ thuật trong tác phẩm,...), cũng như ý thức và khả năng lựa chọn, sử dụng từ ngữ khi viết để tạo ra sản phẩm viết rõ ý, mạch lạc và bước đầu có hình ảnh, có cảm xúc.

#### Chủ đề 5:

### ĐỌC VÀ VIẾT VĂN BẢN THÔNG TIN

#### 5.1. Yêu cầu cần đạt

- Hiểu được mục đích, cách thức tổ chức các hoạt động dạy học tăng cường kỹ năng đọc, viết thuộc Chủ đề 5, bao gồm: *Nói ra suy nghĩ của mình; Vẽ sơ đồ từ vựng; Hiểu về mối quan hệ nguyên nhân – kết quả; So sánh; Miêu tả chân dung tự họa; Viết công thức.*
- Vận dụng được các hoạt động nói trên vào việc xây dựng kế hoạch dạy học các

môn học/hoạt động giáo dục và tổ chức thực hiện các kế hoạch đó nhằm tăng cường kỹ năng đọc viết cho HS **có đáp ứng giới**.

## 5.2. Tổ chức hoạt động

**5.2.1. Hoạt động 1:** Tìm hiểu mục đích, cách thức tổ chức các hoạt động dạy học tăng cường kỹ năng đọc, viết thuộc Chủ đề 5, bao gồm: *Nói ra suy nghĩ của mình; Vẽ sơ đồ từ vựng; Hiểu về mối quan hệ nguyên nhân – kết quả; So sánh; Miêu tả chân dung tự họa; Viết công thức.*

### Phiếu giao nhiệm vụ số 1:

1. Làm việc cá nhân: Đọc tài liệu.

Chủ đề 5 . ĐỌC VÀ VIẾT VĂN BẢN THÔNG TIN

2. Thảo luận trong nhóm.

Mỗi thành viên trong nhóm chọn 1 hoạt động, trình bày trong nhóm để trả lời các câu hỏi sau:

- ☐ Tên hoạt động là gì ? Mục đích hoạt động ? Cách thức tổ chức hoạt động ?
- ☐ Anh/chị đã từng tổ chức hoạt động này trong quá trình dạy học các môn học/hoạt động giáo dục chưa ? (Nếu có thể, anh/chị hãy cho 1 ví dụ về hoạt động mà anh/chị đã từng tổ chức trong quá trình dạy học)
- ☐ Theo anh/chị, hoạt động này có thể sử dụng cho đối tượng HS (nam, nữ, khuyết tật hay không khuyết tật) nào? Sử dụng trong môn học/Hoạt động giáo dục nào ?
- ☐ Anh chị thấy yếu tố nào cản trở HS trong việc tiếp cận tham gia các hoạt động học tập? Nguyên nhân và giải pháp khắc phục?

3. Đại diện các nhóm trình bày kết quả.

**5.2.2. Hoạt động 2:** Thực hành thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học tăng cường kỹ năng đọc, viết thuộc Chủ đề 5.

### Phiếu giao nhiệm vụ số 2:

Mỗi nhóm chọn 01 hoạt động, thiết kế nội dung hoạt động và thực hành tổ chức hoạt động đó tại lớp tập huấn.

### THÔNG TIN/KIẾN THỨC PHẢN HỒI:

Các hoạt động dạy học tăng cường kỹ năng đọc viết thuộc Chủ đề 5 trong chương trình môn Tiếng Việt, HS được đọc và viết các văn bản thông tin, bên cạnh các (văn bản văn học). Chủ đề 5 giới thiệu một số kỹ thuật dạy học có thể vận dụng trong việc dạy học sinh đọc – viết – nghe – nói các văn bản thông tin, đó là:

- (1) Nói ra suy nghĩ của mình;
- (2) Vẽ sơ đồ từ vựng
- (3) Hiểu về mối quan hệ nguyên nhân – kết quả
- (4) So sánh
- (5) Miêu tả chân dung tự họa
- (6) Viết công thức.

#### VD 1: Hiểu về mối quan hệ nguyên nhân – kết quả

Khi dạy HS (lớp 1) đọc hiểu mối quan hệ nguyên nhân – kết quả trong một văn bản thông tin (văn bản phi hư cấu) hoặc trong dạy học viết văn bản thông tin. GV có thể sử dụng kỹ thuật dạy học này. VD, khi HS đọc văn bản dưới đây:

#### Lợi ích của việc đi bộ

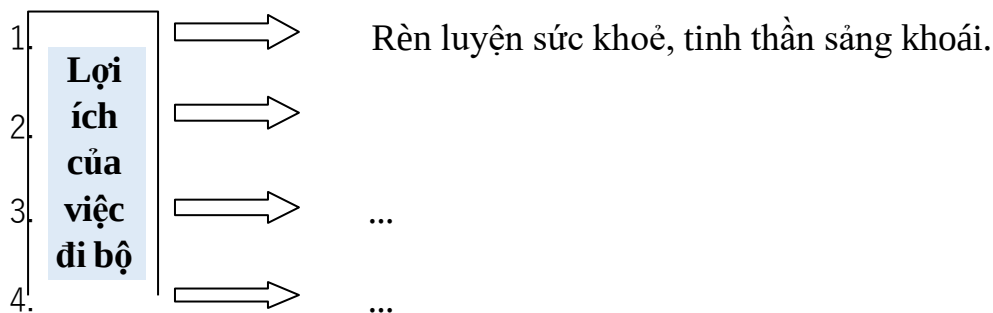
Có rất nhiều người thường đi bộ vào cuối tuần hoặc những ngày nghỉ lễ. Họ đi bộ ở vùng đồi núi, bãi biển hay trong rừng. Trẻ em cũng thấy thú vị khi đi bộ cùng cha mẹ. Vậy việc đi bộ có những lợi ích gì đối với trẻ em?

- Rèn luyện sức khỏe, tinh thần sáng khoái.
- Làm cho mọi người trong gia đình gần gũi nhau hơn, giảm thời gian xem điện thoại di động, tivi...
- Gần gũi với thiên nhiên, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

- Hoạt động ngoài trời an toàn, ít gây ra các rủi ro.

(Theo Health +)

**Nêu lợi ích của việc đi bộ.**



**VD 2: Viết công thức / viết quy trình các bước**

Khi dạy HS (lớp 1) đọc hiểu cách đọc 1 bài giới thiệu quy trình luộc trứng (văn bản thông tin) hoặc dạy viết quy trình làm một việc gì đó, GV có thể sử dụng kỹ thuật dạy học này. Ví dụ, khi HS đọc văn bản dưới đây:

### **Luộc trứng**

Các em - những đầu bếp nhí - có thể tự mình luộc trứng với các bước sau:

**Bước 1:** Nhẹ nhàng xếp trứng vào nồi luộc.

**Bước 2:** Đổ nước lạnh từ từ vào nồi đến khi ngập trứng. Có thể thêm một chút muối vào nước luộc.

**Bước 3:** Nấu nồi trứng đến khi sôi thì cho lửa nhỏ, nấu thêm khoảng 10 phút nữa.

**Bước 4:** Lấy trứng ra, ngâm vào nước lạnh rồi mới bóc vỏ để ăn.

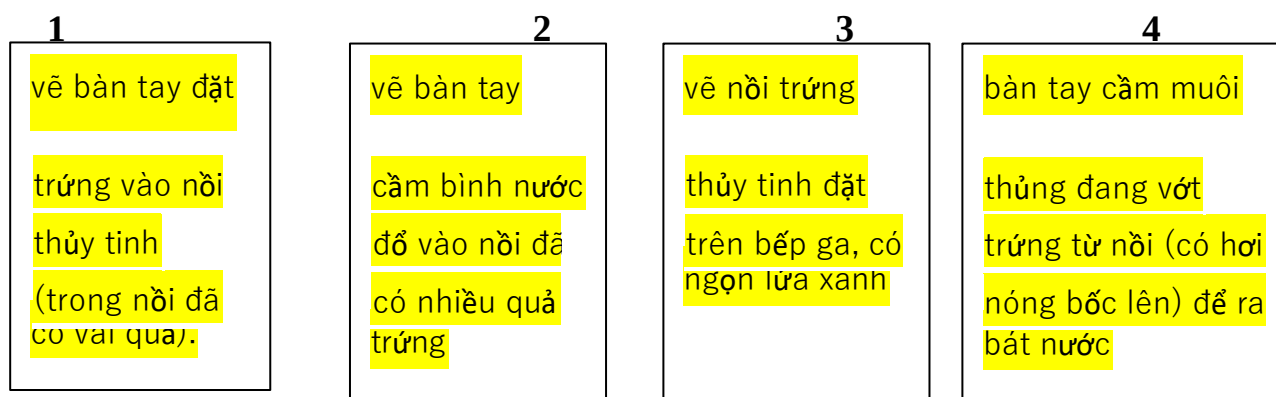
Nào, chúng mình hãy cùng trở tài để mời cả nhà món ăn ngon và bổ này vào cuối tuần nhé!

**Lưu ý:** Có thể giúp các em hiểu rằng ai (bạn nam hay bạn nữ) cũng có thể làm tốt 4 bước kể trên, đầu bếp không chỉ phù hợp với các bạn nữ mà với cả các bạn nam.

(Tham khảo Bếp eva – eva.vn)

GV có thể thiết kế hoạt động dưới đây:

**Viết các bước lược trứng theo mẫu (Hình vẽ nên có cả bàn tay của các bạn nam và các bạn nữ)**



M: Cho trứng vào nồi .....  
.....  
.....

### 5.3. Thực hành – Vận dụng

Học viên thực hành xây dựng kế hoạch dạy học, trong đó có sử dụng một hoặc một số hoạt động thuộc Chủ đề 5.

#### TIỂU KẾT CHỦ ĐỀ 5:

Chủ đề **Đọc và viết văn bản thông tin** giúp GV biết cách tổ chức các hoạt động dạy học nhằm tăng cường kỹ năng đọc viết văn bản thông tin cho HS. Các kỹ thuật dạy học thường được dùng khi giúp học sinh phát triển kỹ năng đọc và viết văn bản thông tin là: *Nói ra suy nghĩ của mình; Vẽ sơ đồ từ vựng; Hiểu về mối quan hệ nguyên nhân – kết quả; So sánh; Miêu tả chân dung tự họa; Viết công thức,...*

Trong quá trình xây dựng kế hoạch dạy học các môn học / hoạt động giáo dục và tổ chức thực hiện các kế hoạch đó, GV cần vận dụng linh hoạt các kỹ thuật dạy học nhằm tạo cho HS cơ hội rèn luyện kỹ năng tiếp nhận văn bản thông tin (đọc hiểu nội dung văn bản thông tin trong môn học/ hoạt động giáo dục) và tạo lập các văn bản thông tin (trình bày mạch lạc, rõ ràng thông tin khi học tập, giao tiếp).

## TỔNG KẾT MÔ ĐUN 1

### MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG TÀI LIỆU

#### ***“TĂNG CƯỜNG KỸ NĂNG ĐỌC - VIẾT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC”***

- ☐ Các hoạt động dạy học, các kỹ thuật dạy học giới thiệu trong 5 chủ đề của bộ tài liệu được xây dựng dựa trên đặc điểm tâm sinh lý của HS tiểu học.
- ☐ Vận dụng các hoạt động dạy học, các kỹ thuật dạy học ở 5 chủ đề vào tổ chức các hoạt động dạy học sẽ đáp ứng yêu cầu/ nhu cầu dạy học tích cực, chủ động, sáng tạo của HS.
- ☐ Trong quá trình dạy học, GV cần vận dụng các một hoạt động cách linh hoạt, sáng tạo, tùy theo nội dung học tập của từng môn học, từng bài học và đáp ứng mục tiêu bài học.
- ☐ Nên phối hợp hài hoà các hoạt động / kỹ thuật dạy học để phát huy tính tích cực, chủ động của HS, giúp các em nâng cao hiệu quả học tập.
- ☐ Nhiều hoạt động nên được vận dụng để thiết kế các hoạt động học tập khi:
  - + Ôn lại bài cũ
  - + Khởi động tiết học
  - + Khám phá / tìm hiểu nội dung bài mới,
  - + Thực hành và vận dụng kiến thức – kỹ năng mới vào các tình huống mới hoặc các tình huống gắn với cuộc sống.
  - + Tổng kết bài học
- ☐ Vận dụng hợp lý các hoạt động tăng cường kỹ năng đọc - viết trong 5 chủ đề của bộ tài liệu không chỉ giúp HS phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ (năng lực môn Tiếng Việt) mà còn giúp các em phát triển các năng lực chung tự học, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, ... và năng lực đặc thù của các môn học và hoạt động giáo dục ở trường tiểu học.

**Lưu ý:** Giáo viên cần đưa mối quan tâm về giới vào trong bài dạy, từ việc sắp xếp cho mọi HS đều có cơ hội tham gia mọi hoạt động, đồng thời tích hợp xóa bỏ các khuôn mẫu giới truyền thống, định kiến giới, phân biệt đối xử về giới trong các nội dung học tập, các câu chuyện hoặc từ sự chia sẻ của các em. Việc tích hợp về giới vào hoạt động dạy học cần được làm thường xuyên, tận dụng mọi cơ hội để tích hợp đảm bảo cho HS hình thành thái độ tích cực để mong muốn thay đổi.

-Đánh giá hoạt động dạy học có đáp ứng giới. Sau mỗi giờ dạy, GV có thể tự chấm điểm theo các tiêu chí đánh giá:

- Số lượng ví dụ, nội dung về bình đẳng giới đã được sử dụng trong tiết học
- Mức độ tham gia đồng đều của học sinh nam và học sinh nữ như thế nào?
- Sự khuyến khích của GV nhằm thúc đẩy sự tham gia của học sinh một cách bình đẳng như thế nào, có tạo cơ hội cho các bạn nữ, các bạn e dè, các bạn có khó khăn trong giao tiếp vv... tham gia vào tiết học tốt hơn hay chưa.
- Tài liệu, dụng cụ sử dụng trong tiết học có đảm bảo không thể hiện các khuôn mẫu, định kiến giới hay không?

- Ngoài ra, giám sát và đánh giá về bình đẳng giới còn có thể được thực hiện thông qua các bài kiểm tra, đánh giá nhanh với cả giáo viên và học sinh để tìm hiểu:

- Mức độ hứng thú, quan tâm của học sinh và giáo viên đối với chủ đề bình đẳng giới.
- Sự thay đổi về các quan điểm giới, quan điểm thách thức các định kiến giới, ủng hộ bình đẳng và dung hợp trước và sau khi thực hiện các tiết học có nhạy cảm giới như thế nào?

## PHỤ LỤC:

### **CÁC KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ GIỚI VÀ LÒNG GHÉP GIỚI TRONG DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC HỌC SINH**

#### **I. Những kiến thức cơ bản về giới và bình đẳng giới**

##### **1. Phân biệt giới và giới tính**

###### **1.1. Giới tính**

Luật Bình đẳng giới (2006) định nghĩa: “*Giới tính chỉ các đặc điểm sinh học của nam và nữ*”<sup>1</sup>.

Các đặc điểm sinh học của nam và nữ được thể hiện ở một số khía cạnh cụ thể như: cấu tạo cơ thể, đặc điểm sinh lí hay chức năng sinh sản<sup>2</sup>. Trong đó sự khác nhau rõ ràng nhất về giới tính giữa nam và nữ là chức năng sinh sản.

Theo Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ thì giới tính gồm có ba loại:<sup>3</sup>

**Nam giới (Male):** có nhiễm sắc thể giới tính là XY, hormon sinh dục nam testossteron, có râu, yết hầu, có khả năng sản xuất ra tinh trùng, bộ phận sinh dục nam (dương vật, tinh hoàn...)

**Nữ giới (female):** mang nhiễm sắc thể giới tính là XX, hormon sinh dục gồm hai loại là estrogen và progesterone, có hiện tượng kinh nguyệt, có buồng trứng, có khả năng mang thai, sinh con, có sữa, bộ phận sinh dục nữ (âm đạo, âm hộ, tử cung...)

**Liên giới tính (intersex):** là tất cả các trạng thái dẫn đến sự phát triển không điển hình của các đặc điểm giới tính và sinh lý cơ thể có liên quan đến những đặc điểm bất thường của các bộ phận sinh dục ngoài, các cơ quan sinh sản bên trong, nhiễm sắc thể giới tính, hoặc các hormon giới tính, hoặc các hormon giới tính.

###### **1.2. Giới:**

**Giới** là thuật ngữ dùng để “*chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội*”<sup>4</sup>.

Nói cách khác, “giới là một khái niệm xã hội và văn hóa nhằm xác định và phân biệt các vai trò, đặc điểm và trách nhiệm khác nhau của nam và nữ”<sup>5</sup>.

---

<sup>1</sup> Luật Bình đẳng giới, 2006. Điều 5, Khoản 2

<sup>2</sup> Quỹ Hỗ trợ sáng kiến tư pháp, 2015. Hướng dẫn Lòng ghép giới, trang 8.

<sup>3</sup> Nguyễn Lê Hoài Anh, Công tác xã hội với người đồng tính, song tính và chuyển giới, trang 29

<sup>4</sup> Luật Bình đẳng giới, 2006. Điều 5, Khoản 1

<sup>5</sup> UNESCO Băng Cốc – Mạng lưới về Giới trong Giáo dục khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Bộ công cụ thúc đẩy bình đẳng giới trong giáo dục, trang 6

Có thể hiểu *giới chỉ sự khác biệt giữa nam và nữ về vị trí, vai trò, trách nhiệm, quyền lực, giá trị và hành vi ứng xử*. Những sự khác biệt về giới được hình thành qua giáo dục và học hỏi dựa trên quan niệm, niềm tin chủ quan của một nền văn hóa hay tập tục xã hội cụ thể. Sự khác biệt về giới ở những nền văn hóa khác nhau là khác nhau, sự khác biệt này có thể thay đổi theo không gian và thời gian.

Giới và giới tính là hai khái niệm độc lập với nhau. Phân biệt sự khác nhau giữa giới tính và giới, giúp chúng ta thấy rõ nguyên nhân của bất bình đẳng về giới là do khác biệt giới tạo nên. Vì thế, chúng ta có thể tác động để thay đổi các đặc điểm và mối quan hệ giới theo chiều hướng tiến bộ và bình đẳng.

## **2. Khuôn mẫu giới**

**Khuôn mẫu giới** là sự khái quát hóa về đặc điểm, tính cách và vai trò của một nhóm người dựa trên giới tính của họ. Các khuôn mẫu có thể là tích cực hoặc tiêu cực nhưng chúng hiếm khi đưa ra thông tin chính xác về người khác<sup>6</sup>. Ví dụ: ở Việt Nam có các khuôn mẫu giới phổ biến như: "con gái thì mềm yếu, hay khóc" còn "con trai thì mạnh mẽ, dũng cảm" hoặc "nam giới phù hợp với nghề công an, bộ đội, cơ khí, thợ xây" còn "nữ giới phù hợp với nghề giáo viên, nhân viên bán hàng, làm nội trợ"

## **3. Vai trò giới**

**Vai trò giới** là những hoạt động mà nữ giới và nam giới được kỳ vọng thực hiện trong gia đình hay cộng đồng<sup>7</sup>.

Người ta thường nhóm các vai trò giới thành 3 loại sau:

- *Vai trò sản xuất* bao gồm các hoạt động nhằm tạo thu nhập cho sự thịnh vượng và phát triển kinh tế của gia đình và xã hội.
- *Vai trò gia đình* bao gồm các hoạt động tạo ra/duy trì nòi giống và chăm sóc, tái tạo sức lao động.
- *Vai trò cộng đồng* bao gồm những hoạt động diễn ra ngoài phạm vi gia đình nhằm đáp ứng nhu cầu của cộng đồng, hoạt động này không mang lại thu nhập cho gia đình.

## **4. Định kiến giới**

---

<sup>6</sup> UNESCO, 2012. Hướng dẫn về bình đẳng giới đối với các ấn phẩm của UNESCO.

<sup>7</sup> UNESCO, 2005. Khóa e – leaning. Tài liệu 1 - Các thuật ngữ về giới, trang 3

**Định kiến giới** là những nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ<sup>8</sup>.

Có hai loại định kiến giới: (1) *định kiến giới* là những đánh giá hay nhận định từ cộng đồng hay người khác đối với vị trí, vai trò và đặc điểm xã hội của nữ giới hay nam giới, trẻ em trai hay trẻ em gái trong các mối quan hệ xã hội và (2) *tự định kiến giới* là những đánh giá, nhìn nhận của chính bản thân người nữ giới hay nam giới về vị trí, đặc điểm, vai trò xã hội của bản thân họ với tư cách là nữ giới hay nam giới<sup>9</sup>. Định kiến giới thường phản ánh không khách quan, không công bằng, hoặc không đúng về đặc điểm và năng lực của mỗi giới.

## **5. Phân biệt đối xử về giới**

**Phân biệt đối xử về giới** là việc hạn chế, loại trừ, không công nhận hoặc không coi trọng vai trò, vị trí của nam và nữ, gây bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình<sup>10</sup>.

### **Hệ quả của định kiến giới và phân biệt đối xử về giới**

Những khuôn mẫu/chuẩn mực giới cứng nhắc mà xã hội gán cho mỗi giới đã tạo ra định kiến giới và dẫn đến sự phân biệt đối xử về giới. Phổ biến ở mọi nền văn hóa là nam giới có quyền lực cao hơn; nữ giới thường bị nhìn nhận thấp hơn nam giới về vị thế, vai trò, giá trị và năng lực nghề nghiệp. Thực tế, nữ giới/trẻ em gái thường bị bất lợi nhiều hơn so với nam giới/trẻ em trai. Thực tế hiện nay, bất bình đẳng giới đang tồn tại và diễn ra trên phạm vi toàn cầu; vẫn chưa có một nơi nào trên thế giới, nữ giới được bình đẳng với nam giới cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và pháp luật.

## **6. Cân bằng giới**

**Cân bằng giới** là khái niệm định lượng liên quan đến bình đẳng giới. Cân bằng giới thể hiện sự bình đẳng tương đối về số lượng, tỷ lệ nữ giới và nam giới, trẻ em gái và trẻ em trai và thường được tính bằng tỷ lệ nữ so với nam cho một chỉ số<sup>11</sup> nhất định.

Cân bằng giới chỉ sự cân bằng về số lượng giữa nam và nữ, là điều kiện cần để tiến tới bình đẳng giới.

---

<sup>8</sup> Luật Bình đẳng giới, 2006. Điều 5, Khoản 4.

<sup>9</sup> OXFAM – Lê Văn Sơn, 2014. Tài liệu “Tập huấn xây dựng bảng kiểm lòng ghép giới trong các hoạt động nhà trường”, trang 3.

<sup>10</sup> Luật Bình đẳng giới, 2006. Điều 5, Khoản 5.

<sup>11</sup> Báo cáo giám sát toàn cầu về Giáo dục cho mọi người đưa ra “Chỉ số cân bằng giới (GPI) là tỉ số giá trị của nam - nữ của một chỉ số. Chỉ số thể hiện sự cân bằng giới có giá trị trong khoảng từ 0.97 đến 1.03. Nguồn: UNESCO. Hướng dẫn bình đẳng giới trong chính sách và thực tiễn đào tạo giáo viên. Xuất bản năm 2015 bởi UNESCO, số 7, Place de Fontenoy, 75352 Paris 07SP, Pháp. Chuyên đề 1 - Hiểu biết về giới, trang 10

## 7. Công bằng giới

**Công bằng giới** là sự đối xử công bằng đối với nam và nữ. Để đảm bảo sự công bằng cần phải áp dụng các biện pháp nhằm bù đắp hoặc khắc phục những yếu tố bất lợi ngăn cản vị thế bình đẳng của nam và nữ<sup>12</sup>.

Công bằng giới là phương thức (cách làm, biện pháp cụ thể) cung cấp cho tất cả mọi người các cơ hội và lợi ích như nhau.

**Bình đẳng giới** là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện, cơ hội nhằm phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó<sup>13</sup>.

Bình đẳng giới không phải là việc phủ nhận những khác biệt giữa nữ và nam, cũng không phải là việc làm cho nữ và nam giống hệt nhau. Bình đẳng giới liên quan đến việc đem lại những cơ hội như nhau và điều kiện phù hợp cho cả nữ lẫn nam<sup>14</sup>.

Bình đẳng giới trong giáo dục là việc đảm bảo nam và nữ được đối xử công bằng, cùng được tiếp cận các cơ hội học tập và hưởng lợi từ quá trình giáo dục. Cả nam và nữ được trao quyền và được phát huy tối đa tiềm năng bản thân để đóng góp cũng như hưởng lợi từ sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội một cách bình đẳng.

## 9. Nhạy cảm giới

**Nhạy cảm giới** “là khả năng nhận biết được những khác biệt giới, vấn đề giới và bất bình đẳng giới hiện có, kết hợp chúng vào các chiến lược và hành động” (Bộ công cụ thúc đẩy bình đẳng giới trong giáo dục – GENIA Toolkit).

## 10. Trách nhiệm giới

**Trách nhiệm giới** chỉ những hành động thực tiễn của cá nhân hoặc tổ chức để giải quyết các vấn đề giới, nhằm cải thiện hoặc loại trừ tình trạng bất bình đẳng giới.

## 11. Lòng ghép giới

**Lòng ghép giới:** là một hoạt động đưa những mối quan tâm về giới vào trong mọi khâu của quá trình giáo dục để đảm bảo cho mọi học sinh phá bỏ các khuôn mẫu giới, định kiến giới, phân biệt đối xử về giới, giúp các em tiếp cận với cơ hội học

---

<sup>12</sup> UNESCO Băng Cốc – Mạng lưới về Giới trong Giáo dục khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Bộ công cụ thúc đẩy bình đẳng giới trong giáo dục, trang 6

<sup>13</sup> Luật Bình đẳng giới, 2006. Điều 5, Khoản 3

<sup>14</sup> UNESCO 2005. Khóa e-learning. Tài liệu 1 - Các thuật ngữ về giới, trang 13

*tập, sử dụng cơ hội và được hưởng lợi như nhau. Mục đích cuối cùng của lồng ghép giới chính là bình đẳng giới.*

Lồng ghép giới trong dạy học và giáo dục học sinh đòi hỏi phải luôn xem xét các mối tương quan về giới trong công việc/hoạt động giáo dục hàng ngày của mình (giao tiếp với đồng nghiệp và học sinh, giảng dạy chuyên môn, thực hiện các biện pháp quản lý, giáo dục học sinh; tổ chức các hoạt động học tập, trải nghiệm, vui chơi giải trí, văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao,...cho học sinh) để:

- (i) Nhận diện được các vấn đề giới/bất bình đẳng giới;
- (ii) Phân tích và đánh giá được các nguyên nhân và tác động tiêu cực của vấn đề giới/bất bình đẳng giới đó tới sự tham gia và chất lượng tham gia của mỗi học sinh trong lớp mình phụ trách;
- (iii)Đưa ra được các biện pháp can thiệp (biện pháp, hoạt động, dịch vụ cụ thể) để giải quyết vấn đề giới/bất bình đẳng giới đó một cách hiệu quả nhất; trên cơ sở thừa nhận và tôn trọng những điểm tương đồng và khác biệt giữa học sinh nam và học sinh nữ.

## **II. Quy trình lồng ghép giới**

Để thực hiện LGG hiệu quả trong dạy học và giáo dục HS, đòi hỏi GV của nhà trường cần phải nắm vững được các bước cơ bản của một quy trình LGG trong dạy học, giáo dục được biểu diễn bằng sơ đồ sau:

**Bước 1: Nhận thức cơ bản về giới**

Bước 2: Phân tích nội dung chương trình dạy học các môn học chiếm ưu thế, lựa chọn các chủ đề, nội dung bài học, hoạt động trải nghiệm để lồng ghép;

Bước 3: Xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức LGG trong DH và GD, hoạt động trải nghiệm, tìm kiếm thông tin, tài liệu phục vụ LGG

Bước 4: Thiết kế bài học, hoạt động trải nghiệm theo hướng lồng ghép mục tiêu, nội dung giáo dục và triển khai hoạt động DH và GD có LGG

Bước 5: Đánh giá kết quả đạt được ở học sinh theo hướng lồng ghép trong đánh giá kết quả dạy học, giáo dục;

Bước 6: Phát triển kế hoạch dạy học, giáo dục theo hướng lồng ghép.

**Sơ đồ các bước của qui trình LGG trong DH và GD ở bậc mầm non**

***Bước 1: Nhận thức cơ bản về giới***

Ở bước này, đòi hỏi tất cả giáo viên cần được trang bị hoặc tự trang bị cho mình những hiểu biết cơ bản nhất về giới, bình đẳng giới, kỹ năng lồng ghép giới và các vấn đề giới có liên quan. Những nhận thức đúng về giới này rất quan trọng vì nó là kiến thức nền tảng để triển khai các bước tiếp theo.

***Bước 2: Phân tích nội dung chương trình dạy học các môn học chiếm ưu thế, lựa chọn các chủ đề, nội dung bài học, hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục để lồng ghép***

Ở bước này, đòi hỏi giáo viên phải phân tích nội dung chương trình, rà soát các nội dung DH chiếm ưu thế LGG hoặc lựa chọn các nội dung có thể LGG về phương pháp dạy học. Điều này không có nghĩa là chỉ có một số môn học mới có khả năng LGG mà GV có thể LGG ở tất cả các môn học, các nội dung GD. Sau khi rà soát các nội dung và môn học chiếm ưu thế, GV cần cân nhắc, lựa các chủ đề, các nội dung giới để LG.

***Bước 3: Xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức LGG trong DH và GD, hoạt động trải nghiệm, tìm kiếm thông tin, tài liệu phục vụ LGG.***

Bước này, GV cần xác định rõ ràng mục tiêu của LGG bao gồm cả kiến thức, thái độ và hành vi cần hình thành ở học sinh. Trên cơ sở mục tiêu, GV sẽ lựa chọn nội dung, phương pháp và các hình thức tổ chức phù hợp.

Để chuẩn bị cho hoạt động thiết kế hoạt động dạy học và giáo dục, GV cần tìm kiếm, lựa chọn các tài liệu, thông tin phục vụ cho công tác LGG.

***Bước 4: Thiết kế bài học, hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục theo hướng lồng ghép mục tiêu, nội dung giáo dục và triển khai hoạt động DH và GD có LGG.***

- Dựa trên mục tiêu và phân tích nội dung LGG, GV tiến hành thiết kế bài học có LGG. Cách LG có thể tích hợp ở mọi cơ hội, từ nội dung, ví dụ, phương pháp, bài tập. Một bài học có LGG cần thiết kế dưới dạng các hoạt động để khích lệ sự tham gia tối ưu của học sinh. Một bản thiết kế bài học LGG đầy đủ sẽ bao gồm việc xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung và cách thức hoạt động; kiểm tra, giám sát các hoạt động có nhạy cảm và trách nhiệm giới.

- Để thiết kế bài học có LGG, cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

+ Giảm nhẹ lý thuyết, tăng mạnh tính thực hành và mỗi em ít nhất được tham gia hoạt động, thực hành 1 lần trong mỗi hoạt động.

+ Cần tăng cường các hoạt động trao đổi, chia sẻ, giúp các em phát hiện các vấn đề giới trong thực tiễn, bày tỏ quan điểm, nhấn mạnh đến những thay đổi trong nhận thức, thái độ, hành vi, sự cam kết thay đổi của các em.

+ Có kỹ thuật thiết kế các hoạt động thực hành (tình huống, trò chơi, sử dụng các phương tiện...) để có thể rèn KN tốt nhất và gây được hứng thú cho tất cả HS.

+ GV cần có sự thể hiện sự vui nhộn, hấp dẫn, lôi cuốn HS qua điệu bộ, cử chỉ, cách nói năng của mình.

Từ bài học đã được thiết kế có LGG, GV sẽ tiến hành các hoạt động giảng dạy và giáo dục HS theo đúng kịch bản đã đề ra. Cần lưu ý các mục tiêu và mức độ LGG: Lồng ghép hoàn toàn, từng phần hay rút ra kết luận sau bài học.

Trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học, trải nghiệm có LGG, GV cần quan sát sự thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi của HS để điều chỉnh kịp thời.

GV phải tự giám sát hoặc nhờ đồng nghiệp đánh giá quá trình thực hiện LGG trong công việc hàng ngày của bản thân mình để phát hiện những kết quả đạt được và chưa đạt được hoặc chưa hiệu quả.

***Bước 5: Đánh giá kết quả đạt được ở học sinh theo hướng lồng ghép trong đánh giá kết quả dạy học, giáo dục;***

Sau khi đã tiến hành các hoạt động LGG trong DH và GD, việc đánh giá tác động của kết quả LGG này sẽ giúp cho giáo viên thấy được những hiệu ứng tích cực từ các nỗ lực LGG của mình. Qua đó, cũng nhận diện được khoảng trống nào cần được tiếp tục lấp đầy trong nhận thức, hành động, ứng xử của bản thân, học sinh, phụ huynh... liên quan đến các vấn đề giới trong nhà trường.

***Bước 6: Phát triển kế hoạch dạy học, giáo dục theo hướng lồng ghép.***

*Trên các kết quả đánh giá về công tác LGG trong DH và GD của mình, GV cần báo cáo và phổ biến kết quả bằng cách tổng hợp các kết quả, minh chứng của việc LGG thành báo cáo cụ thể, trao đổi với đồng nghiệp trong các buổi sinh hoạt chuyên môn nhằm phổ biến, lan tỏa kết quả và các bài học về LGG này trong các khối lớp, nhà trường./.*